

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

📍 Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

☎ 024.38438794

✉ hcth.htx@mard.gov.vn

🌐 www.dcrd.gov.vn



CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



SỔ TAY

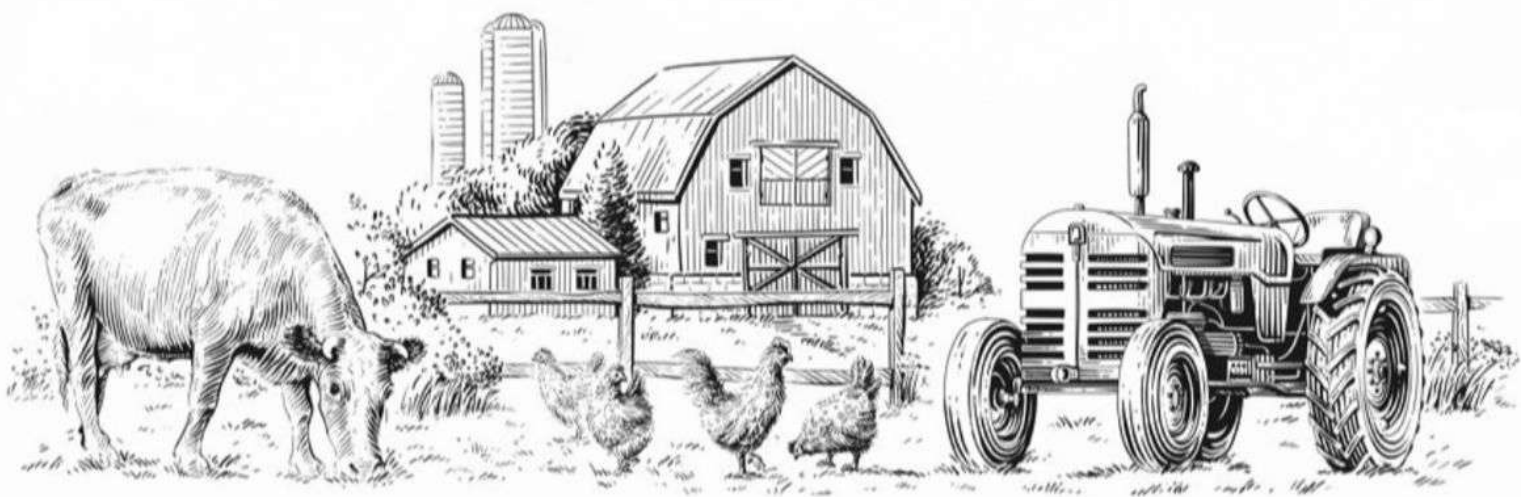
HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

Đơn vị thực hiện:
Trung tâm NC& PT Hệ thống Nông nghiệp
Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

Hà Nội: 2025

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
Ông Lê Đức Thịnh

BAN BIÊN TẬP
TS.Hoàng Xuân Trường - Chủ biên
TS.Nguyễn Tiến Định
CN.Hoàng Thị Hồng Vân
ThS.Nguyễn Thị Phương
KS.Đoàn Văn Vĩnh



MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	05
LỜI MỞ ĐẦU	06
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI	09
Phần I: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI	09
1.1 Định nghĩa về kinh tế trang trại	09
1.2. Các yếu tố cấu thành kinh tế trang trại	09
1.3. Phân loại trang trại trong kinh tế trang trại	10
1.4. Vai trò của kinh tế trang trại	11
1.5. Mô hình trang trại điển hình tại Việt Nam	11
1.6. Thách thức và cơ hội của kinh tế trang trại	12
Phần II: TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH KINH TẾ TRANG TRẠI	15
1.7. Tiêu chí xác định trang trại (theo Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT)	15
1.8. Cách xác định giá trị sản xuất	16
1.9. Các trang trại chuyên ngành	16
CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI	26
2.1. Chính sách hỗ trợ sản xuất	27
2.2. Chính sách đất đai	27
2.3. Chính sách tín dụng	30
2.4. Chính sách lao động	32
2.5. Chính sách đào tạo – chuyển giao khoa học công nghệ	32
2.6. Chính sách thuế	33
2.7. Chính sách vệ sinh môi trường	35
2.8. Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng	37
2.9. Chính sách liên kết, hợp tác sản xuất	39
2.10. Phát triển thương hiệu, thị trường, xúc tiến thương mại	41
2.11. Chính sách bảo hiểm nông nghiệp – quản lý rủi ro	44

CHƯƠNG 3: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRANG TRẠI

- 3.1. Lập kế hoạch sản xuất và kinh doanh
- 3.2. Phân tích thị trường và nhu cầu tiêu thụ
- 3.3. Quy hoạch, thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng
- 3.4. Ví dụ điển hình về thiết kế cảnh quan kinh tế trang trại

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT TRONG TRANG TRẠI

- 4.1. Tổ chức quản lý đất đai trong trang trại
- 4.2. Tổ chức quản lý lao động trong trang trại
- 4.3. Quản lý tài sản, trang thiết bị, máy móc
- 4.4. Quản lý chất thải và vệ sinh môi trường trang trại

CHƯƠNG 5: HẠCH TOÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA TRANG TRẠI

Phần I. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

- 5.1. Khái niệm và ý nghĩa
- 5.2. Phân loại chi phí sản xuất trong trang trại
- 5.3. Ghi chép và theo dõi chi phí sản xuất
- 5.4. Tính giá thành sản phẩm
- 5. Ví dụ minh họa

Phần II. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm

- 5.6. Mục tiêu tiêu thụ
- 5.7. Các kênh tiêu thụ sản phẩm phổ biến
- 5.8. Ghi chép và theo dõi hoạt động tiêu thụ
- 5.9. Quản lý tồn kho và luân chuyển sản phẩm
- 5.10. Báo cáo tiêu thụ và phân tích hiệu quả
 - Biểu mẫu 1: Nhật ký chi phí sản xuất theo từng lứa/sản phẩm
 - Biểu mẫu 2: Bảng tính giá thành sản phẩm
 - Biểu mẫu 3: Nhật ký bán hàng (tiêu thụ sản phẩm)
 - Biểu mẫu 4: Bảng theo dõi tồn kho sản phẩm

Phụ lục 1: Căn cứ pháp lý biên soạn sổ tay

Phụ lục 2: Một số hình ảnh trang trại

Phụ lục 3. Mẫu kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại – năm...

Phụ lục 4. Tóm tắt quy định pháp lý về thuê và quản lý lao động

46
47
48
49
49
50
51
51
52
52
54
55
55
55
55
55
56
56
56
56
56
56
57
57
58
58
59
60
61
64



DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác
OCOP	Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”
NTM	Nông thôn mới
KTTT	Kinh tế tập thể
KTHT	Kinh tế hợp tác
HTTT	Hệ thống thông tin
BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
KH&CN	Bộ Khoa học và Công nghệ
CSXH	Ngân hàng Chính sách Xã hội
GTGT	Thuế giá trị gia tăng
TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
QĐ-TTg	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
NĐ-CP	Nghị định của Chính phủ
TT-BTC	Thông tư Bộ Tài chính
TT-BNNPTNT	Thông tư Bộ Nông nghiệp và PTNT
TMĐT	Thương mại điện tử
KHCN	Khoa học và công nghệ
HTND	Quỹ Hỗ trợ nông dân
VietGAHP	Thực hành chăn nuôi tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, kinh tế trang trại đã trở thành một mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân, phát triển nông thôn mới, và đảm bảo an ninh lương thực. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và biến đổi khí hậu, mô hình này càng thể hiện rõ vai trò trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, tổ chức sản xuất chuyên nghiệp, hướng đến phát triển bền vững. Nhận thấy tiềm năng to lớn từ phát triển kinh tế trang trại, Chính phủ đã có Nghị quyết 03/2000/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2000 về Kinh tế trang trại. Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nêu rõ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhấn mạnh việc phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng.

Tài liệu "Sổ tay phát triển kinh tế trang trại" được biên soạn nhằm trang bị kiến thức thực tiễn cho các chủ trang trại, hộ nông dân, cán bộ khuyến nông, và những người quan tâm đến lĩnh vực nông nghiệp hiện đại. Sổ tay trình bày các nội dung từ cơ bản đến nâng cao, dễ hiểu, dễ áp dụng, đồng thời cập nhật chính sách hỗ trợ và mô hình thực tiễn trong nước và quốc tế.

Trong giai đoạn mới, kinh tế trang trại chuyển dịch mạnh mẽ theo chiến lược của Bộ nông nghiệp và Môi trường, tập trung vào ba trụ cột cốt lõi:

- **Nông nghiệp Xanh – Hữu cơ – Tuần hoàn:** Ưu tiên canh tác không hóa chất, tái sử dụng phế phẩm làm đầu vào sản xuất, nhằm bảo vệ hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- **Chuyển đổi số:** Ứng dụng công nghệ IoT, dữ liệu số trong quản trị và truy xuất nguồn gốc, giúp tối ưu chi phí và nâng cao giá trị thương mại trên môi trường điện tử.
- **Liên kết chuỗi và Vai trò HTX:** Chuyển từ tư duy "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp". Trong đó, Hợp tác xã đóng vai trò cầu nối, liên kết các trang trại để hình thành vùng nguyên liệu lớn, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ.

Phát triển kinh tế trang trại đòi hỏi sự nghiêm túc trong việc tuân thủ các quy định hiện hành để tránh những thiệt hại về tài chính và đình chỉ hoạt động. Các chủ trang trại cần đặc biệt lưu ý các quy định về đất đai, môi trường, thú y và phòng dịch...

Sổ tay gồm có 5 chương, cụ thể là :

- Chương 1: Giới thiệu về kinh tế trang trại
- Chương 2: Chính sách phát triển kinh tế trang trại
- Chương 3: Kế hoạch sản xuất trang trại
- Chương 4. Quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại
- Chương 5. Hạch toán sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của trang trại

Trong quá trình biên soạn sổ tay không thể tránh khỏi những thiếu sót, vì vậy đơn vị biên soạn là Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống nông nghiệp, rất mong nhận được các góp ý, bổ sung để sổ tay ngày càng hoàn thiện hơn.





CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI

PHẦN I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI

1. Định nghĩa về kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại là mô hình sản xuất nông nghiệp mang tính hàng hóa, có quy mô sản xuất lớn, sử dụng lao động và đất đai hiệu quả, sản phẩm làm ra nhằm phục vụ cho tiêu thụ, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Các trang trại có thể sản xuất các sản phẩm như nông sản, chăn nuôi, thủy sản, hoặc kết hợp nhiều loại sản phẩm trong cùng một hệ thống sản xuất.



2. Các yếu tố cấu thành kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại có thể được phân tích qua một số yếu tố quan trọng:

Quy mô sản xuất

Trang trại có quy mô lớn, sản xuất hàng hóa, không phải là sản xuất nhỏ lẻ, tự cung tự cấp.

Chuyên môn hóa

Mỗi trang trại thường chuyên sâu vào một loại sản phẩm hoặc một nhóm sản phẩm (ví dụ, chỉ trồng rau, nuôi gà, hay trồng hoa màu).

Đầu tư công nghệ

Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất, chẳng hạn như giống cây trồng mới, hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước, hoặc công nghệ chế biến nông sản.

Lao Động

Trang trại sử dụng lao động thường xuyên và có quản lý lao động chặt chẽ. Các trang trại lớn có thể tạo ra nhiều việc làm ổn định cho người dân địa phương.

3. Phân loại trang trại trong kinh tế trang trại

Trang trại có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau, tùy theo mục tiêu sản xuất và đặc điểm hoạt động.

Một số phân loại phổ biến là:



4. Vai trò của kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp, đặc biệt trong các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển như Việt Nam. Những vai trò chủ yếu bao gồm:

- Cung cấp sản phẩm nông sản:**
Kinh tế trang trại tạo ra một lượng lớn sản phẩm nông sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- Tạo việc làm và tăng thu nhập:**
Trang trại tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động nông thôn, góp phần giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Tăng trưởng kinh tế nông thôn:**
Kinh tế trang trại giúp tăng trưởng kinh tế ở khu vực nông thôn, đồng thời phát triển hạ tầng, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Phát triển nông nghiệp bền vững:**
Kinh tế trang trại hiện đại giúp ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

5.

MÔ HÌNH TRANG TRẠI ĐIỂN HÌNH TẠI VIỆT NAM

Trang trại trồng rau hữu cơ:

Các trang trại chuyên trồng các loại rau quả sạch, đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về sản phẩm sạch.

Trang trại chăn nuôi gia cầm:

Các trang trại nuôi gà, vịt với quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

Trang trại thủy sản

Trang trại nuôi cá, tôm với quy mô lớn, kết hợp ứng dụng công nghệ cao trong việc xử lý nước và quản lý môi trường nuôi.

6. Thách thức và cơ hội của kinh tế trang trại



Theo số liệu thống kê mới nhất, đến năm 2024, cả nước có tổng cộng 19.660 trang trại hoạt động theo tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

• Phân loại theo lĩnh vực sản xuất:

- Trang trại chăn nuôi: 12.349 trang trại
- Trang trại trồng trọt: 3.308 trang trại
- Trang trại thủy sản: 1.810 trang trại
- Trang trại tổng hợp: 2.060 trang trại
- Trang trại lâm nghiệp: 133 trang trại

• Các hình thức hoạt động đặc thù:

- Trang trại ứng dụng năng lượng mặt trời: 1.034 trang trại
- Trang trại kết hợp du lịch nông nghiệp (farmstay): 56 trang trại
- Trang trại có liên kết sản xuất – tiêu thụ: 4.235 trang trại

📈 Xu hướng phát triển nổi bật

- **Tăng trưởng số lượng:** So với năm 2000, số lượng trang trại đã tăng thêm hơn 16.000, phản ánh sự chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất nhỏ lẻ sang mô hình sản xuất hàng hóa quy mô lớn.
- **Tập trung theo vùng:** Các trang trại chủ yếu tập trung ở 3 vùng kinh tế trọng điểm: Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- **Chuyển đổi mô hình:** Nhiều trang trại đang chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, và nông nghiệp công nghệ cao, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.



BẢNG PHÂN LOẠI TRANG TRẠI NHƯ SAU:

LOẠI HÌNH	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
Chăn nuôi	12.349	62,8%
Trồng trọt	3.308	16,8%
Thủy sản	1.810	9,2%
Tổng hợp	2.060	10,5%
Lâm nghiệp	133	0,7%
TỔNG CỘNG	19.660	100%

KHU VỰC	SỐ LƯỢNG
Đồng bằng sông Hồng	7.000
Đồng bằng sông Cửu Long	5.000
Đông Nam Bộ	4.000
Miền Trung	1.500
Tây Nguyên	1.600

PHẦN II: TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH TRANG TRẠI
(theo Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT)

• Phân loại trang trại:

- Trang trại chuyên ngành được xác định theo lĩnh vực sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối và tỷ trọng giá trị sản xuất của lĩnh vực chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản xuất của trang trại trong năm. Trang trại chuyên ngành được phân loại như sau:

- a. Trang trại trồng trọt.
- b. Trang trại chăn nuôi.
- c. Trang trại lâm nghiệp.
- d. Trang trại nuôi trồng thủy sản.
- e. Trang trại sản xuất muối.

Trang trại tổng hợp là trang trại trong đó không có lĩnh vực sản xuất nào có tỷ trọng giá trị sản xuất chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản xuất của trang trại trong năm.

• Tiêu chí kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại được phân loại dựa theo hoạt động sản xuất chính. Mỗi loại hình có yêu cầu và điều kiện khác nhau để được công nhận là trang trại.

Một cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp được công nhận là trang trại chuyên ngành khi đáp ứng đồng thời hai nhóm tiêu chí:

a. Tiêu chí về giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất (bình quân 1 năm) của trang trại phải đạt từ mức tối thiểu trở lên theo từng loại hình:

Loại hình trang trại chuyên ngành	Giá trị sản xuất bình quân/năm (tỷ đồng)	Diện tích hoặc quy mô tối thiểu
Trồng trọt	≥ 1,0 tỷ đồng/năm	Tổng diện tích đất sản xuất ≥ 1,0 ha
Chăn nuôi	≥ 2,0 tỷ đồng/năm	Quy mô chăn nuôi đạt mức trang trại theo quy định tại Luật Chăn nuôi và Nghị định 13/2020/NĐ-CP
Nuôi trồng thủy sản	≥ 2,0 tỷ đồng/năm	Tổng diện tích mặt nước nuôi ≥ 1,0 ha
Lâm nghiệp	≥ 1,0 tỷ đồng/năm	Tổng diện tích đất lâm nghiệp ≥ 10,0 ha
Sản xuất muối	≥ 0,35 tỷ đồng/năm	Tổng diện tích đất sản xuất muối ≥ 1,0 ha

b. Tiêu chí về tổ chức sản xuất

- Có địa điểm sản xuất ổn định, sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai.
- Có phương án hoặc kế hoạch sản xuất được thực hiện thực tế.
- Có hạch toán thu chi sản xuất riêng biệt với hộ gia đình (nếu chủ trang trại là cá nhân/hộ).

1.2. Cách xác định giá trị sản xuất

- Giá trị sản xuất được tính theo mức giá hiện hành, dựa trên ít nhất 1 năm trong 3 năm gần nhất.
- Nếu trang trại mới thành lập (chưa thu hoạch, chưa có sản phẩm bán ra), giá trị sản xuất được ước tính theo phương án sản xuất và tiến độ triển khai thực tế.

2. CÁC TRANG TRẠI CHUYÊN NGÀNH

2.1.Trang trại trồng trọt

- **Khái niệm:** Trang trại trồng trọt là cơ sở sản xuất nông nghiệp do cá nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức kinh tế đầu tư, quản lý, sử dụng đất hợp pháp để trồng cây hàng năm, cây lâu năm, cây dược liệu, hoa, cây cảnh hoặc cây giống, sản xuất hàng hóa quy mô lớn nhằm mục đích kinh doanh và tạo thu nhập chính.
- **Đặc điểm:**
 - Quy mô đất lớn, phù hợp với điều kiện canh tác.
 - Tập trung chuyên canh một hoặc vài loại cây trồng.
 - Có thể áp dụng kỹ thuật hữu cơ, công nghệ cao (tuổi nhỏ giọt, nhà lưới...).
- **Điều kiện công nhận** (Căn cứ Phụ lục I – Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT)

NHÓM TIÊU CHÍ	YÊU CẦU CỤ THỂ	GIẢI THÍCH
Giá trị sản xuất bình quân/năm	≥ 1,0 tỷ đồng	Tính theo giá hiện hành, bình quân của ít nhất 1 năm trong 3 năm gần nhất.
Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp hợp pháp	≥ 1,0 ha	Bao gồm đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, vườn ươm, nhà lưới, nhà kính, đất xây dựng kho – nhà xưởng phục vụ trồng trọt.
Cơ cấu sản xuất	≥ 50% giá trị sản xuất thuộc lĩnh vực trồng trọt	Nếu có chăn nuôi, thủy sản xen canh, trồng trọt vẫn phải là ngành chiếm ưu thế.
Tổ chức sản xuất	Có phương án/kế hoạch sản xuất, hạch toán riêng, sử dụng đất hợp pháp	Có thể là hộ gia đình, cá nhân hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã.

Ví dụ:

Trang trại trồng cam VietGAP tại huyện Cao Phong (Hòa Bình) với diện tích 5 ha, doanh thu 1,2 tỷ đồng/năm, có hệ thống tưới tiết kiệm và truy xuất nguồn gốc. Có thành lập HTX sản xuất Cam.

2.2.Trang trại chăn nuôi

- **Khái niệm:** Trang trại chăn nuôi là mô hình chăn nuôi tập trung, khép kín, có đầu tư bài bản về chuồng trại, con giống, thức ăn, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm, không mang tính tự cung tự cấp như hộ chăn nuôi nhỏ lẻ
- **Đặc điểm:**
 - Mức độ đầu tư cao (chuồng trại, máy móc, thức ăn...).
 - Cần đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và xử lý chất thải.
- **Điều kiện công nhận:**

(Theo Phụ lục I – Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT và Phụ lục II – Nghị định 13/2020/NĐ-CP)

NHÓM TIÊU CHÍ	YÊU CẦU CỤ THỂ	GIẢI THÍCH
Giá trị sản xuất bình quân/năm	≥ 2,0 tỷ đồng	Tính theo giá hiện hành; ít nhất 1 năm trong 3 năm gần nhất.
Quy mô vật nuôi	Đạt quy mô chăn nuôi trang trại theo Phụ lục II – Nghị định 13/2020/NĐ-CP	Xem bảng chi tiết ở phần 3 dưới đây.
Cơ cấu sản xuất	Tối thiểu 50% giá trị sản xuất là từ chăn nuôi	Nếu có thêm trồng trọt, thủy sản thì chăn nuôi vẫn là lĩnh vực chính.
Tổ chức sản xuất	Có phương án/kế hoạch sản xuất, hạch toán riêng, sử dụng đất hợp pháp	Có thể do hộ, cá nhân, HTX hoặc doanh nghiệp quản lý.

• Quy mô chăn nuôi trang trại theo Nghị định 13/2020/NĐ-CP

LOẠI VẬT NUÔI	QUY MÔ CHĂN NUÔI TRANG TRẠI (tính theo số lượng vật nuôi)	GHI CHÚ / TƯƠNG ĐƯƠNG
Trâu, bò thịt, bò sữa	≥ 100 con	Bao gồm cả bò cái sinh sản Hoặc tương đương 600 lợn thịt
Lợn nái sinh sản	≥ 100 con nái	
Lợn thịt	≥ 600 con	

LOẠI VẬT NUÔI	QUY MÔ CHĂN NUÔI TRANG TRẠI (tính theo số lượng vật nuôi)	GHI CHÚ / TƯƠNG ĐƯƠNG
Ngựa, dê, cừu	≥ 500 con	Tổng số
Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)	≥ 10.000 con	Tính tổng đàn
Chim cút	≥ 20.000 con	
Thỏ	≥ 1.000 con	
Chó, mèo	≥ 100 con	
Đà điểu	≥ 50 con	
Chim cảnh, chim lấy trứng, chim lấy thịt khác	≥ 1.000 con	Tổng đàn nuôi thương phẩm hoặc giống
Ong mật	≥ 100 tổ ong	
Các vật nuôi đặc sản khác (hươu, nai, lợn rừng, dúi, nhím, v.v.)	≥ 50 con	

Ví dụ:

Trang trại nuôi lợn hữu cơ tại huyện Củ Chi (TP.HCM), có 800 con lợn thịt/lúa, 1 năm 3 lứa, xử lý phân bằng công nghệ khí sinh học (biogas), liên kết tiêu thụ với chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch. Doanh thu trên 2,4 tỷ/năm.

2.3.Trang trại nuôi trồng thủy sản

- **Khái niệm:** Trang trại thủy sản là cơ sở sản xuất, nuôi trồng, ương giống, khai thác hoặc chế biến thủy sản được tổ chức theo hình thức trang trại, có quy mô sản xuất đạt mức quy định và giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 1 tỷ đồng/năm trở lên.
- **Đặc điểm:**
 - Cần hệ thống cấp – thoát nước, quản lý môi trường nước tốt.
 - Sản xuất theo mô hình thâm canh hoặc bán thâm canh.

• **Điều kiện công nhận:**

- Diện tích nuôi trồng thủy sản: ≥1 ha.
- Doanh thu sản phẩm: ≥2,0 tỷ đồng/năm.

Ví dụ:

Trang trại nuôi tôm thẻ chân trắng tại Bạc Liêu sử dụng mô hình 2 giai đoạn, tuần hoàn nước, 1,2 ha, sản lượng 100 tấn/năm, doanh thu trên 2 tỷ/năm; đạt tiêu chuẩn GlobalGAP.

LOẠI HÌNH	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VÍ DỤ MINH HỌA
Trang trại nuôi trồng thủy sản	Nuôi cá, tôm, cua, ngao, ốc, hàu, rô phi, cá lóc, cá tra, cá basa... trên ao, hồ, đầm, ruộng, lồng bè, bể xi măng, hoặc vùng nước mặn, lợ, ngọt	Trang trại nuôi tôm thẻ chân trắng ở Bạc Liêu; trang trại nuôi cá rô phi ở Hòa Bình
Trang trại sản xuất giống thủy sản	Ấp trứng, ương, nuôi cá bột, cá giống, tôm giống, ngao giống...	Trang trại sản xuất cá giống rô phi tại Hải Dương
Trang trại khai thác thủy sản nội địa	Tổ chức đội tàu, phương tiện khai thác, thu mua, sơ chế thủy sản trên sông, hồ, vùng nước ngọt	Tổ hợp tác đánh bắt cá hồ Dầu Tiếng
Trang trại dịch vụ thủy sản	Cung cấp thức ăn, thuốc, thiết bị, kỹ thuật, thu mua, sơ chế sản phẩm thủy sản	Cơ sở dịch vụ nuôi cá lồng Hòa Bình

2.4. Trang trại lâm nghiệp

Trang trại lâm nghiệp là hình thức sản xuất lâm nghiệp do cá nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức kinh tế đầu tư, quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp hợp pháp để trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi tái sinh, trồng cây lâm sản ngoài gỗ hoặc nuôi động vật rừng thương phẩm nhằm mục đích sản xuất hàng hóa và tạo thu nhập chính.

• Tiêu chí công nhận trang trại lâm nghiệp

TIÊU CHÍ	MỨC TỐI THIỂU ĐỂ ĐƯỢC CÔNG NHẬN	GIẢI THÍCH CỤ THỂ
Trang trại nuôi trồng thủy sản	≥ 1,0 tỷ đồng	Tính theo giá hiện hành, dựa trên kết quả sản xuất của ít nhất 1 năm trong 3 năm gần nhất.
Trang trại sản xuất giống thủy sản	≥ 10,0 ha	Bao gồm: đất trồng rừng sản xuất, đất trồng cây lâm sản ngoài gỗ, đất nuôi động vật rừng thương phẩm, đất xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.
Trang trại khai thác thủy sản nội địa	Tối thiểu 50% giá trị sản xuất thuộc lĩnh vực lâm nghiệp	Nghĩa là nếu có thêm chăn nuôi, trồng trọt, thì lâm nghiệp vẫn phải là hoạt động chính.
Trang trại dịch vụ thủy sản	Có kế hoạch hoặc phương án sản xuất, hạch toán thu chi riêng biệt	Giống như các loại trang trại khác: phải có tổ chức, hạch toán độc lập.



2.5. Trang trại sản xuất muối

- **Khái niệm:** Trang trại muối là cơ sở sản xuất muối được tổ chức theo hình thức kinh tế trang trại, có quy mô sản xuất đạt mức quy định và giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 0,35 tỷ đồng/năm trở lên.
- **Điều kiện để công nhận:**
 - Một cơ sở sản xuất muối được xác định là kinh tế trang trại muối khi đáp ứng đồng thời hai điều kiện sau:
 - Tổ chức sản xuất tập trung tại một địa điểm, có diện tích sản xuất muối đạt mức quy mô quy định (theo hướng dẫn của địa phương hoặc ngành muối);
 - Giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 0,35 tỷ đồng/năm trở lên (tính theo giá trị muối hoặc các sản phẩm chế biến từ muối bán ra thị trường).

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG ĐẶC TRƯNG
Loại hình sản xuất	Sản xuất muối thủ công hoặc công nghiệp (phơi cát, phơi nước, kết tinh trong ruộng, nhà chát, hoặc hệ thống nhà kính, công nghệ cao)
Đối tượng sản xuất	Muối ăn, muối công nghiệp, muối i-ốt, muối tinh khiết, muối dược liệu, hoặc muối khoáng chế biến
Quy mô sản xuất	Thường từ 5 ha trở lên đối với muối phơi nước; ≥ 3 ha với muối công nghiệp hoặc công nghệ cao (tùy địa phương quy định cụ thể)
Hình thức tổ chức	Hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư sản xuất muối có hạch toán riêng
Giá trị sản lượng	Đạt ≥ 1 tỷ đồng/năm, tính theo doanh thu từ muối và sản phẩm từ muối

2.6. Trang trại tổng hợp

- **Khái niệm:** Trang trại tổng hợp là cơ sở sản xuất nông nghiệp được tổ chức theo hình thức trang trại, có nhiều ngành sản xuất khác nhau (ví dụ: trồng trọt kết hợp chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, sản xuất muối, hoặc dịch vụ nông nghiệp) và có giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 2 tỷ đồng/năm trở lên.
- **Đặc điểm:**
 - Tối ưu hóa đất đai, lao động, tiết kiệm chi phí đầu tư.
 - Giảm thiểu tác động đến môi trường nhờ tuần hoàn chất thải.

• Điều kiện công nhận:

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG ĐẶC TRƯNG
Cơ cấu sản xuất	Có từ hai lĩnh vực sản xuất trở lên (ví dụ: trồng trọt + chăn nuôi; hoặc lâm nghiệp + thủy sản + muối, v.v.)
Tính chất tổ chức	Sản xuất tập trung, có quy mô rõ ràng, địa điểm cố định, hạch toán riêng
Giá trị sản lượng hàng hóa	Từ 2 tỷ đồng/năm trở lên (tổng doanh thu từ các ngành sản xuất của trang trại)
Sản phẩm chính	Có thể bao gồm nông sản, lâm sản, thủy sản, muối, hoặc sản phẩm chế biến, dịch vụ nông nghiệp
Chủ thể	Hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, hoặc doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo hình thức trang trại

Ví dụ:

Trang trại tổng hợp tại huyện Lục Ngạn (Bắc Giang): 1,5 ha trồng vải, nuôi cá trê trong ao, nuôi gà đồi và sử dụng hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi. Doanh thu trên 2 tỷ/năm.



2.7. Trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch (Farmstay)

• Khái niệm:

- Là mô hình kết hợp sản xuất nông nghiệp với hoạt động du lịch trải nghiệm, giáo dục sinh thái, nghỉ dưỡng. “Trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch” là mô hình mới đang được khuyến khích phát triển mạnh ở Việt Nam, tuy chưa có khái niệm pháp lý riêng biệt trong Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT, nhưng lại được công nhận là một hình thức “trang trại tổng hợp” hoặc “trang trại gắn với dịch vụ nông nghiệp” trong hệ thống pháp luật hiện hành.

• Đặc điểm:

- Thu hút du khách trải nghiệm “làm nông dân”, thu hoạch rau quả, chế biến thực phẩm.
- Yêu cầu cao về cảnh quan, dịch vụ, hạ tầng lưu trú.

VĂN BẢN	NỘI DUNG ĐẶC TRƯNG
Nghị định 66/2017/NĐ-CP	Về phát triển kinh tế trang trại – cho phép trang trại kết hợp dịch vụ nông nghiệp, du lịch sinh thái, giáo dục trải nghiệm
Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT	Hướng dẫn tiêu chí xác định kinh tế trang trại – có loại hình trang trại tổng hợp và dịch vụ nông nghiệp
Luật Du lịch 2017	Quy định về du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, trong đó trang trại có thể là điểm du lịch
Quyết định 922/QĐ-TTg (2022)	Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với OCOP giai đoạn 2021-2025
Thông tư 10/2021/TT-BVHTTDL	Hướng dẫn tiêu chí điểm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng

Ví dụ:

Farmstay Cầu Đất (Đà Lạt): trồng chè, rau hữu cơ, kết hợp tour trải nghiệm, homestay, phục vụ 3.000 lượt khách/năm.

HƯỚNG DẪN TỰ XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ KINH TẾ TRANG TRẠI

1. Cách tính Giá trị sản xuất (GTSX) bình quân

GTSX là tổng giá trị các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ mà trang trại tạo ra trong một năm.

- **Công thức:** $GTSX = \text{Tổng khối lượng sản phẩm} \times \text{đơn giá}$
- **Lưu ý:** Tính cả những sản phẩm thu hoạch chưa bán nhưng dùng để tái sản xuất hoặc biếu tặng.

2. Cách tách giá trị giữa nhiều ngành (Trang trại tổng hợp)

Nếu trang trại có nhiều loại hình (ví dụ: vừa nuôi lợn, vừa trồng cam), bạn cần:

- **Xác định ngành chính:** Ngành có tỉ trọng GTSX lớn nhất (thường trên 50%).
- **Nguyên tắc tách:** Doanh thu từ ngành nào phải hạch toán riêng cho ngành đó, dựa trên hóa đơn bán hàng hoặc sổ nhật ký sản xuất. Giá trị sản xuất của trang trại là tổng cộng của tất cả các ngành.

3. Bảng tính mẫu tự xác định

HẠNG MỤC SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
Sản phẩm ngành 1 (Ví dụ: Lợn thịt)	kg	10.000	60.000	600.000.000
Sản phẩm ngành 2 (Ví dụ: Cam)	kg	5.000	20.000	100.000.000
TỔNG CỘNG (GTSX)				700.000.000





CHƯƠNG 2.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

Phát triển kinh tế trang trại là một trong những định hướng trọng tâm của Chính phủ nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp bền vững. Nhiều chính sách hỗ trợ đã được ban hành, bao phủ từ sản xuất, đất đai, tín dụng đến thị trường và bảo hiểm. tại nhiều tỉnh (Hà Nội, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Cần Thơ, Lâm Đồng...) xây dựng nghị quyết/kế hoạch địa phương hỗ trợ phát triển trang trại, bao gồm hỗ trợ tiếp cận quỹ đất, ưu đãi đầu tư, hạ tầng và chuyển đổi đất đai.

CÁC GIẢI PHÁP KHẢ THI ĐỂ ĐỊA PHƯƠNG KHÁC CÓ THỂ THAM KHẢO:

01

Quy hoạch đất chuyên dụng cho trang trại/chăn nuôi tập trung
(đưa vào quy hoạch xã/tỉnh).

02

Chính sách hỗ trợ di dời + ưu đãi hạ tầng
(đền bù, bồi thường, hỗ trợ kinh phí chuyển đổi/mua đất mới; đầu tư hạ tầng tập trung).

03

Rút ngắn thủ tục giao/cho thuê đất cho trang trại đủ điều kiện
(một cửa liên thông giữa Sở NN&MT, UBND xã/phường).

04

Hỗ trợ tài chính kèm theo
(vay ưu đãi, vay không cần thế chấp, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ đầu tư xử lý chất thải)
để giảm rào cản mở rộng quỹ đất.

05

Phối hợp phát triển chuỗi giá trị
(liên kết trang trại với doanh nghiệp thu mua, chế biến và trung tâm giống)
nhằm bảo đảm đầu ra trước khi giao đất

2.1. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT

Nội dung:

- Cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chất lượng cao.
- Hỗ trợ vật tư đầu vào (phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y...).
- Hỗ trợ áp dụng kỹ thuật mới, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ.

Căn cứ pháp lý:

- Quyết định 180/2014/QĐ-TTg: về hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.
- Nghị định 109/2018/NĐ-CP: về nông nghiệp hữu cơ.

Ví dụ:

Tại Lâm Đồng, nông dân trồng rau công nghệ cao được hỗ trợ 50% chi phí mua giống rau nhập khẩu và hệ thống tưới nhỏ giọt, giúp tăng năng suất lên 20–30%.

Tại Hà Nội: có Nghị quyết 20/2025/NQ-HĐND Hà Nội hỗ trợ sản xuất nông nghiệp khôi phục vùng thiệt hại; và Kế hoạch 06/KH-UBND (05/01/2025) về phát triển chuồng trại và xử lý chất thải — một văn bản quan trọng để phát triển trang trại bền vững.

2.2. CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI

Nội dung:

- Giao đất, cho thuê đất nông nghiệp dài hạn.
- Tích tụ ruộng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp.
- Miễn/giảm tiền thuê đất cho trang trại ứng dụng công nghệ cao.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15
- Nghị định 102/2024/NĐ CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2024.
- Nghị định 101/2024/NĐ CP ngày 29/7/2024 về đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai.
- Nghị định 103/2024/NĐ CP ngày 30/7/2024 về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Ví dụ:

Cá – vớt với diện tích 5–10 ha, thuận lợi đầu tư cơ giới hóa.

- Đồng Nai – chủ động quy hoạch, hỗ trợ phát triển trang trại quy mô lớn
- Hà Nội – quy hoạch chuồng trại tập trung + hỗ trợ hạ tầng và xử lý chất thải
- Bến Tre – mô hình hỗ trợ di dời, giải phóng mặt bằng cho cơ sở chăn nuôi.

QUY ĐỊNH XÂY DỰNG TRÊN ĐẤT NÔNG NGHIỆP (LUẬT ĐẤT ĐAI 2024)

Theo quy định mới, chủ trang trại được phép xây dựng một số công trình phục vụ trực tiếp sản xuất mà không phải chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, nhưng phải tuân thủ các điều kiện nghiêm ngặt:

1. Các công trình được phép xây dựng

- **Nhà kho, nhà bảo quản:** Dùng để chứa nông sản, vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), máy móc, dụng cụ lao động.
- **Công trình phục vụ sản xuất:** Nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi, ao sinh học xử lý chất thải.
- **Nhà nghỉ tạm, lán, trại:** Để phục vụ cho người lao động nghỉ ngơi tại chỗ (không được sử dụng làm nhà ở cố định hay hộ khẩu).
- **Khu sơ chế, chế biến:** Các công trình phụ trợ gắn liền với khu vực sản xuất để sơ chế nông sản tại chỗ.

2. Điều kiện bắt buộc

- **Mục đích sử dụng:** Chỉ được sử dụng cho nông nghiệp. Tuyệt đối không được "biến tướng" thành nhà ở kiên cố hay kinh doanh phi nông nghiệp.
- **Quy mô xây dựng:** Thường chỉ được xây dựng 01 tầng, không có tầng hầm. Kết cấu nên dùng vật liệu nhẹ, dễ tháo dỡ.
- **Tỷ lệ diện tích:** Luật giao cho UBND cấp Tỉnh quy định cụ thể về diện tích tối đa (Ví dụ: TP.HCM quy định không quá 1% diện tích đất nhưng không quá 50m², Hà Nội quy định chiều cao không quá 6m cho nhà kho).
- **Thủ tục:** Đối với đất trồng lúa, nếu xây dựng công trình phục vụ sản xuất phải được sự chấp thuận của UBND cấp xã/huyện tùy diện tích – kiểm tra lại bỏ cấp huyện đi và xem có cấp tỉnh không ?

- **CẢNH BÁO:** Việc xây dựng vượt định mức diện tích hoặc sai mục đích (ví dụ: xây biệt thự trên đất trang trại) sẽ bị coi là hành vi "Sử dụng đất không đúng mục đích", có thể bị xử phạt hành chính từ vài chục triệu đồng và buộc tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm.

BẢNG TÓM TẮT

KHU VỰC	DIỆN TÍCH ĐẤT TỐI THIỂU	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
Hà Nội	Tùy loại cây (từ 2.000 m ²)	0,02% - 1,5%	20 m ² - 30 m ² (phổ biến)
TP. Hồ Chí Minh	Từ 500 m ²	1%	Tối đa 50 m ²
Tỉnh khác	Theo quy định UBND Tỉnh	Thường < 1%	Thường < 50 m ²

- **Lời khuyên:** Trước khi đặt móng xây dựng, bạn cần nộp Phương án sử dụng đất nông nghiệp đa mục đích tại UBND cấp Xã để được xác nhận. Việc tự ý xây dựng không đăng ký sẽ dẫn đến rủi ro bị cưỡng chế phá dỡ rất cao.



2.3. CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG

Nội dung:

- Cho vay ưu đãi đầu tư sản xuất nông nghiệp.
- Hạn mức cao, lãi suất thấp (từ 4,5-6%/năm).
- Hỗ trợ vay không cần tài sản thế chấp qua tổ hợp tác, HTX.

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP.
- Nghị định 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP:
 - Điểm mới nổi bật: bổ sung điều khoản về “không có tài sản bảo đảm” cho vay tối đa đến 70% giá trị dự án/phương án sản xuất đối với khách hàng sản xuất nông nghiệp hữu cơ hoặc theo kinh tế tuần hoàn.
 - Tăng cường hỗ trợ cho mô hình nông nghiệp mới, thân thiện môi trường, tạo lợi thế cho doanh nghiệp/hộ tiên tiến.
 - Có hiệu lực từ ngày 1/7/2025.
- Chỉ thị 04/CT-NHNN (Ngân hàng Nhà nước) về các giải pháp ngành ngân hàng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị thiên tai... trong đó có khoản vay nông nghiệp-nông thôn có thể được gia hạn nợ tới 3 năm.



• Bảng. Mức vay không cần tài sản thế chấp qua THT/HTX phục vụ phát triển trang trại

NHÓM ĐỐI TƯỢNG VAY	ĐIỀU KIỆN TIÊU CHÍ CHÍNH	MỨC VAY TỐI ĐA (VNĐ)	KỲ HẠN VAY	LÃI SUẤT ÁP DỤNG	HÌNH THỨC BẢO ĐẢM HỖ TRỢ	NGUỒN VỐN & GHI CHÚ
Hộ thành viên Tổ hợp tác (THT)	Có phương án sản xuất khả thi, được THT xác nhận- Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án đầu ra	50 – 200 triệu /hộ	6 tháng – 3 năm	6-8%/năm (có thể được hỗ trợ 2-3% từ ngân sách tỉnh)	Bảo lãnh bởi THT, không cần thế chấp; hồ sơ tập thể	Nguồn vốn từ Ngân hàng CSXH hoặc Quỹ HTND, Quỹ Khuyến nông địa phương
Tổ hợp tác (THT)	Đã được UBND xã/huyện công nhận hoạt động- Có tối thiểu 5 hộ thành viên- Có phương án sản xuất chung	500 triệu – 1 tỷ /tổ	1 – 5 năm	5-7%/năm (hỗ trợ lãi suất 2%)	Bảo lãnh nhóm; cam kết hoàn trả tập thể	Quỹ hỗ trợ nông dân cấp tỉnh, ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng
Hợp tác xã nông nghiệp (HTX)	Có giấy chứng nhận đăng ký HTX- Hoạt động có lãi ≥1 năm- Có dự án sản xuất, mở rộng trang trại, đầu tư chế biến hoặc thuê đất mở rộng	1 – 5 tỷ /HTX	2 – 7 năm	5-8%/năm (có thể hỗ trợ 2-3%)	Không yêu cầu thế chấp tài sản cá nhân; thế chấp bằng dự án hoặc tài sản HTX (nếu có)	Nguồn: Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX (Bộ KH&ĐT) + ngân sách địa phương đồng tài trợ
Liên hiệp HTX chuỗi trang trại liên kết	Có hợp đồng liên kết tiêu thụ - Đáp ứng quy mô vùng nguyên liệu >10 ha hoặc >300 vật nuôi - Có tư cách pháp nhân	5 – 10 tỷ /liên hiệp	3 – 10 năm	5-6%/năm (ưu tiên dự án xanh, bền vững)	Bảo lãnh theo chuỗi giá trị, có thể kết hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	Nguồn: Chương trình tín dụng xanh, Quỹ bảo lãnh tín dụng cấp tỉnh

Ví dụ:

Một trang trại bò sữa ở Hà Nam được vay 2 tỷ đồng từ Agribank theo lãi suất ưu đãi 5%/năm, đầu tư máy vắt sữa tự động và hệ thống làm mát chuồng trại.

2.4. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Nội dung:

- Đào tạo nghề nông nghiệp miễn phí cho lao động nông thôn.
- Hỗ trợ chi phí tuyển dụng, đào tạo tại chỗ.

Căn cứ pháp lý:

- Quyết định 1956/QĐ-TTg về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): gắn phát triển sản phẩm với đào tạo.
- Chỉ thị 37-CT/TW (10/7/2024) của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn – xác định mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, khuyến khích doanh nghiệp, HTX, trang trại tham gia đào tạo tại chỗ.
- Quyết định 12/2024/QĐ-TTg (31/7/2024) của Thủ tướng: cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi – quan trọng khi triển khai các dự án thu hồi đất (ví dụ: di dời chuồng trại, quy hoạch vùng) vì quy định rõ hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề cho lao động bị ảnh hưởng.

Ví dụ:

Tại Quảng Nam, hàng trăm lao động nữ được đào tạo kỹ thuật sơ chế nấm bào ngư trong mô hình trang trại – OCOP, tăng thu nhập từ 2,5 lên 5 triệu đồng/tháng.

2.5. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO – CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Nội dung:

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật.
- Hỗ trợ chi phí ứng dụng công nghệ mới (IoT, cảm biến môi trường...).
- Đưa cán bộ kỹ thuật về hỗ trợ sản xuất tại chỗ.

Căn cứ pháp lý:

- Quyết định 04/2021/QĐ-TTg về cơ chế chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ.
- Quyết định 540/QĐ-TTg (Thủ tướng, 19/06/2024) – Đề án phát triển KHCN & chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến 2030
 - **Nội dung trọng tâm:** xây dựng chuỗi chuyển giao công nghệ, thúc đẩy mô hình tuần hoàn (ví dụ: xử lý chất thải chăn nuôi → phân compost → thức ăn cây trồng), hỗ trợ demo, nhân rộng công nghệ thân thiện môi trường.
 - **Ý nghĩa:** mở cơ chế hỗ trợ kinh phí cho dự án chuyển giao công nghệ tại trang trại; khuyến khích hợp tác giữa viện, doanh nghiệp và HTX.

Các nội dung đào tạo mà trang trại có thể tiếp cận và nhận được hỗ trợ:

- An toàn sinh học, phòng chống dịch (chăn nuôi).
- Kỹ thuật canh tác bền vững, nông nghiệp hữu cơ, quản lý sâu bệnh dịch hại tổng hợp (IPM).
- Công nghệ xử lý môi trường & tuần hoàn (biogas, composting, xử lý nước thải) – gắn Quyết định 540.
- Kỹ thuật nuôi / giống / ương sản phẩm (thủy sản, gia cầm, giống cây trồng).
- Quản trị trang trại/HTX, kế toán đơn giản, truy xuất nguồn gốc & tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.
- Ứng dụng số/AgTech: IoT, tưới thông minh, hệ thống quản lý đàn, nền tảng thương mại điện tử.
- Quản lý chuỗi giá trị: hợp đồng bao tiêu, hợp tác với doanh nghiệp, tiếp cận tín dụng (kết nối tín dụng qua HTX).

Ví dụ:

Trang trại cá rô phi ở An Giang ứng dụng hệ thống quan trắc oxy tự động được hỗ trợ 70% kinh phí từ ngân sách tỉnh.

2.6. CHÍNH SÁCH THUẾ

Nội dung:

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho trang trại ứng dụng công nghệ cao.
- Ưu đãi thuế giá trị gia tăng với một số sản phẩm nông nghiệp.

Căn cứ pháp lý:



BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ CÓ LIÊN QUAN TỚI TRANG TRẠI

CHÍNH SÁCH VĂN BẢN	HIỆU LỰC MỐC	ĐỐI TƯỢNG CHỊU ẢNH HƯỞNG	NỘI DUNG CHÍNH (TÓM TẮT)	TÁC ĐỘNG LÊN TRANG TRẠI	KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG CHO TRANG TRẠI / HTX
Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (gia hạn)	Đến 31/12/2030	Hộ, trang trại, HTX đang sử dụng đất nông nghiệp	Tiếp tục miễn tiền sử dụng/thuế đất nông nghiệp trong thời hạn quy định nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	Giảm chi phí cố định của trang trại → tăng khả năng đầu tư mở rộng / cải tạo đất	- Xác nhận quyền sử dụng đất và thời hạn miễn; cập nhật sổ sách kế toán để phản ánh khoản tiết kiệm. - Lưu hồ sơ chứng minh quỹ đất và giấy tờ liên quan để chứng minh đang được hưởng miễn.
Luật GTGT (sửa đổi) – điều chỉnh với hàng nông sản (VAT)	Có hiệu lực từ 01/07/2025 (một số nội dung)	Trang trại bán hàng nông sản chưa qua chế biến hoặc đã qua sơ chế; HTX, DN thu mua/sản xuất	Một số mặt hàng nông sản có điều chỉnh về cách áp thuế (một số chuyển sang kê khai GTGT 5%); có hướng dẫn phân loại từng loại sản phẩm	Có thể phát sinh nghĩa vụ kê khai GTGT cho những mặt hàng trước đây không phải kê khai → ảnh hưởng giá bán, tính toán chi phí	- Rà soát danh mục sản phẩm (chưa qua chế biến vs đã chế biến). - Làm việc với Cục Thuế/Chi cục thuế địa phương để phân loại chính xác. - Chuẩn hóa hóa đơn, chứng từ; nếu cần, tổ chức kê khai GTGT theo quy định.
Ưu đãi thuế TNDN cho chế biến nông sản / dự án nông nghiệp	Liên tục (các quy định ưu đãi cập nhật trong luật thuế)	Trang trại tổ chức dưới mô hình doanh nghiệp HTX có hoạt động chế biến, dự án đầu tư	Tiếp tục miễn tiền sử dụng/thuế đất nông nghiệp trong thời hạn quy định nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	Khuyến khích chuyển đổi hình thức tổ chức (thành DN/HTX) để hưởng ưu đãi → giảm TNDN, cải thiện tính khả thi dự án chế biến	- Nếu có kế hoạch chế biến/đầu tư lớn: lập phương án tài chính, đánh giá điều kiện hưởng ưu đãi TNDN. - Tham vấn kế toán thuế / Cục Thuế trước khi thành lập DN hoặc mở rộng đầu tư.
Quy định xử lý hỗ trợ, trợ cấp & tính thu nhập chịu thuế	Thường xuyên cập nhật theo các Nghị định/Thông tư liên quan	Trang trại nhận tiền hỗ trợ, trợ cấp, thiết bị, vốn đầu tư	Doanh nghiệp hoạt động trồng trọt/chế biến có thể được ưu đãi thuế TNDN (miễn/giảm thuế theo dự án, địa bàn, tỷ lệ nội địa hoá...)	Khi nhận hỗ trợ đầu tư, trang trại có thể cần hạch toán đúng – ảnh hưởng TNDN/T-NCN	- Lưu hồ sơ nhận hỗ trợ (quyết định, chứng từ). - Kiểm tra hướng dẫn xử lý thuế của Bộ Tài chính/Tổng cục Thuế để hạch toán đúng. - Nếu lớn, xin ý kiến Cục Thuế về việc miễn/không tính vào thu nhập chịu thuế.
Thông tư / Công văn hướng dẫn thi hành các luật thuế (Bộ Tài chính / Tổng cục Thuế)	Liên tục – xem công văn mới theo từng luật	Mọi đối tượng nông nghiệp, trang trại, HTX, DN	Một số khoản trợ cấp/hỗ trợ có thể được coi là thu nhập chịu thuế hoặc ảnh hưởng tới chi phí được chấp nhận khi tính TNDN/TNCN		

Ví dụ:

Trang trại trồng nấm linh chi ở Sóc Trăng được miễn toàn bộ thuế đất và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm đầu hoạt động.

2.7. CHÍNH SÁCH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Nội dung:

- Hỗ trợ xây dựng hầm biogas, hệ thống xử lý nước thải.
- Tập huấn kỹ thuật xử lý chất thải, chăn nuôi an toàn sinh học.

Căn cứ pháp lý:

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH CÓ LIÊN QUAN

VĂN BẢN QUY ĐỊNH	HIỆU LỰC MỐC	PHẠM VI ÁP DỤNG (ai bị ảnh hưởng)	NỘI DUNG CHÍNH (tóm tắt liên quan trang trại/hộ)	HỆ QUẢ / TÁC ĐỘNG CHO TRANG TRẠI & HỘ	KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG
Luật Bảo vệ Môi trường (số 72/2020/QH14)	Ban hành 17/11/2020 – có hiệu lực 01/01/2022	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trang trại mọi quy mô	Quy định trách nhiệm bảo vệ môi trường, yêu cầu kiểm soát ô nhiễm, EIA/dTM cho các dự án gây ô nhiễm; ưu tiên hỗ trợ, khuyến khích áp dụng công nghệ thân thiện môi trường.	Trang trại phải tuân thủ quy chuẩn, tham gia giám sát; dự án trang trại lớn có thể bị bắt buộc lập dTM/BC đánh giá tác động môi trường.	Xác định mức độ rủi ro ô nhiễm của hoạt động; kiểm tra xem dự án có thuộc đối tượng lập dTM; chuẩn hóa hồ sơ, thủ tục môi trường.
Nghị định 106/2024/NĐ-CP (chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi, xử lý chất thải)	Ban hành/hiệu lực 2024 (các khoản hỗ trợ bắt đầu áp dụng từ 2024–2025 tùy nội dung)	Chủ cơ sở chăn nuôi: nông hộ, trang trại (nhóm quy mô khác nhau)	Nhà nước hỗ trợ đầu tư thiết bị/công nghệ xử lý chất thải; hỗ trợ tối đa theo quy mô (ví dụ: 5 triệu/cơ sở nông hộ; 50 triệu/trang trại nhỏ – vừa; 100 triệu/trang trại lớn); tỉ lệ hỗ trợ có thể đến 50% giá trị sản phẩm xử lý.	Khuyến khích trang trại đầu tư hệ thống xử lý phân, nước thải; giảm chi phí đầu tư ban đầu khi được hỗ trợ; tăng khả năng đạt tiêu chuẩn môi trường.	Kiểm tra điều kiện hưởng hỗ trợ; lập dự án/đề án xử lý chất thải (theo mẫu); liên hệ Sở NN&PTNT/UBND huyện để đăng ký; tận dụng hỗ trợ để triển khai biogas/compost/CT xử lý nước thải.
Thông tư 12/2021/TT-BN-NPTNT (hướng dẫn thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng)	Ban hành 26/10/2021	Tổ chức, cá nhân tham gia chăn nuôi và xử lý phụ phẩm	Hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý phân, nước thải, phụ phẩm nông nghiệp; khuyến khích tái sử dụng (biogas, ủ phân compost, phân bón hữu cơ); quy định không áp dụng ở vùng dịch.	Cung cấp căn cứ kỹ thuật để thiết kế hệ thống xử lý tại trang trại; giúp trang trại thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật, giảm rủi ro bị xử phạt.	Áp dụng hướng dẫn khi thiết kế hệ thống xử lý; lưu hồ sơ kỹ thuật; kết nối với đơn vị tư vấn/khuyến nông để làm hồ sơ đầu tư.

VĂN BẢN QUY ĐỊNH	HIỆU LỰC MỐC	PHẠM VI ÁP DỤNG (ai bị ảnh hưởng)	NỘI DUNG CHÍNH (tóm tắt liên quan trang trại/hộ)	HỆ QUẢ / TÁC ĐỘNG CHO TRANG TRẠI & HỘ	KHUYẾN NGHỊ HÀNH ĐỘNG
Luật Chăn nuôi (số 32/2018/QH14) và Nghị định 13/2020/NĐ-CP (hướng dẫn)	Luật 2018; Nghị định 13/2020 hướng dẫn chăn nuôi (có các sửa đổi)	Các cơ sở chăn nuôi: hộ, trang trại, cơ sở tập trung	Quy định về an toàn sinh học, xử lý chất thải chăn nuôi, vận hành trang trại; phân loại quy mô; yêu cầu bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý xác động vật, nguồn thải.	Trang trại phải tổ chức xử lý chất thải, đảm bảo an toàn sinh học; chịu trách nhiệm quản lý chất thải, vật nuôi chết; có thể bị giới hạn quy mô nếu không đảm bảo môi trường.	Thực hiện an toàn sinh học; lập quy trình xử lý chất thải – xác động vật; tuân thủ quy hoạch vùng chăn nuôi; phối hợp thú y + môi trường.
Quy định về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Báo cáo môi trường chiến lược, Giấy phép môi trường)	Theo Luật BVMT 2020 và Nghị định hướng dẫn (các Nghị định, Thông tư liên quan)	Dự án, cơ sở sản xuất, trang trại lớn, cơ sở chế biến	Các dự án thuộc danh mục phải lập ĐTM/Báo cáo môi trường chiến lược; yêu cầu giấy phép môi trường/đăng ký môi trường cho cơ sở gây ô nhiễm; chế tài khi vi phạm.	Trang trại/HTX khi đầu tư mở rộng, xây dựng cơ sở chế biến có thể phải lập ĐTM hoặc đăng ký môi trường; chi phí tuân thủ tăng nhưng giúp tránh xử lý hành chính/ phạt.	Trước khi đầu tư mở rộng: kiểm tra danh mục dự án phải lập ĐTM; thuê tư vấn lập ĐTM/BCMT; bổ sung hạng mục xử lý chất thải vào dự án.
Chính sách hỗ trợ, khuyến khích áp dụng công nghệ môi trường & kinh tế tuần hoàn (Quyết định / Đề án của TTg & Bộ NN&PTNT như Quyết định 540/QĐ-TTg, Đề án KHCN...)	Một số quyết định/đề án 2023–2025 (ví dụ Đề án phát triển KHCN kinh tế tuần hoàn đến 2030)	Các tổ chức, HTX, trang trại đầu tư công nghệ thân thiện môi trường	Khuyến khích, hỗ trợ demo, chuyển giao KHCN xử lý chất thải, mô hình tuần hoàn (phân→phân bón; chất thải→năng lượng); có cơ chế hỗ trợ kinh phí, thí điểm.	Cơ hội tiếp cận hỗ trợ công nghệ xử lý chất thải; khuyến khích phát triển mô hình bền vững, giảm rủi ro môi trường lâu dài.	Liên hệ Sở KH&CN / Sở NN&PTNT để xin hỗ trợ dự án demo; chủ động tham gia chương trình thí điểm.
Các quy định quản lý chất thải nguy hại, xác động vật bệnh (Thú y & Môi trường)	Luật Thú y, Luật BVMT, Thông tư hướng dẫn	Hộ, trang trại khi có vật nuôi chết, xử lý chất thải nguy hại	Xác định cách thu gom, xử lý, tiêu huỷ xác động vật bệnh; phân loại chất thải y tế, chất thải nguy hại; xử lý theo quy định thú y và BVMT.	Phải tuân thủ quy trình xử lý xác, tránh lây lan bệnh, chịu trách nhiệm pháp lý nếu vi phạm.	Xây kho lưu xác tạm, ký hợp đồng xử lý/tiêu huỷ với đơn vị có chức năng; kết hợp thú y địa phương khi phát sinh dịch.

Ví dụ:

Nông hộ chăn nuôi tại Hà Tĩnh được tài trợ 12 triệu đồng xây dựng hầm biogas từ chương trình Môi trường nông thôn sạch.

2.8. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Nội dung:

- Hỗ trợ xây dựng đường giao thông nội đồng, điện, thủy lợi nhỏ, nhà sơ chế.
- Ưu tiên các trang trại trong vùng sản xuất tập trung.

Căn cứ pháp lý:

BẢNG TỔNG HỢP

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HẠ TẦNG / THIẾT BỊ / MÁY MÓC / NHÀ XƯỞNG MÀ TRANG TRẠI CÓ THỂ TIẾP CẬN

VĂN BẢN CHƯƠNG TRÌNH	HIỆU LỰC	NHỮNG GÌ TRANG TRẠI CÓ THỂ ĐƯỢC HỖ TRỢ	ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU KIỆN CHÍNH	CÁCH TIẾP CẬN / THỦ TỤC (tóm tắt)
Nghị định 106/2024/NĐ-CP (Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi)	Ban hành 01/08/2024; áp dụng các nội dung từ 2024–2025 trở đi	Hỗ trợ chi phí đầu tư thiết bị xử lý chất thải (biogas, hệ thống xử lý nước thải, ủ phân compost), hỗ trợ giống, hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi; mức hỗ trợ cụ thể theo quy mô (ví dụ 5 triệu/cơ sở hộ; 50 triệu/trang trại nhỏ-vừa; 100 triệu/trang trại lớn).	Cơ sở chăn nuôi (nông hộ, trang trại) đáp ứng điều kiện quy mô và hồ sơ; ưu tiên trang trại đã đăng ký, có hạch toán; các dự án xử lý chất thải phù hợp kỹ thuật.	Nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tới Sở NN&PTNT tỉnh; thẩm định theo tiêu chí; quyết định phân bổ theo quy định; phối hợp cơ quan chuyên môn để nghiệm thu thiết bị.
Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn Mới (NTM) – giai đoạn 2021–2025 & hướng dẫn thực hiện	Đang thực hiện; hướng dẫn 2021–2025 và gia hạn/điều chỉnh địa phương	Vốn đầu tư công cho đường giao thông nội vùng, thủy lợi nhỏ, kho bảo quản, chợ, cơ sở sơ chế/chế biến nhỏ, kho lạnh xã/huyện – tạo hạ tầng phục vụ trang trại (đường, thủy lợi, kho, điểm sơ chế).	Dự án/hạng mục do UBND xã/huyện/tỉnh lập; ưu tiên các dự án liên vùng, dự án phục vụ sản xuất nông nghiệp, OCOP, điểm sơ chế.	Đề xuất đưa hạng mục vào danh mục dự án NTM cấp xã/huyện; lập dự án, đề nghị bố trí vốn đầu tư công; phối hợp Sở NN&PTNT, Sở KH&ĐT để thẩm định.
Chương trình OCOP / Chương trình phát triển sản phẩm OCOP	Đang triển khai (2021–2025, tiếp nối)	Hỗ trợ đầu tư máy móc sơ chế, thiết bị chế biến, bao bì, thiết kế nhà xưởng nhỏ cho sản phẩm OCOP; hỗ trợ kỹ thuật, xúc tiến thương mại; ưu đãi đầu tư cho cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP.	HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ có sản phẩm OCOP được thẩm định; tuân thủ tiêu chí OCOP (chất lượng, quy mô, cam kết tiêu thụ).	Nộp hồ sơ dự án OCOP lên phòng NN&PTNT địa phương; tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm để được hỗ trợ theo chương trình; liên hệ Ban điều hành OCOP tỉnh.

VĂN BẢN CHƯƠNG TRÌNH	HIỆU LỰC	NHỮNG GÌ TRANG TRẠI CÓ THỂ ĐƯỢC HỖ TRỢ	ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU KIỆN CHÍNH	CÁCH TIẾP CẬN / THỦ TỤC (tóm tắt)
Quỹ Hỗ trợ Nông dân (Quỹ HTND) & Quỹ Phát triển HTX / Quỹ hỗ trợ địa phương	Cấp tỉnh/huyện – nhiều tỉnh triển khai từ 2021–2025 đến nay	Vay vốn ưu đãi hoặc cấp vốn nhỏ nhằm mua máy móc, thiết bị sơ chế, lắp đặt nhà xưởng nhỏ, mua phương tiện; hỗ trợ xây dựng mô hình điểm, vốn quay vòng cho HTX.	HTX, tổ hợp tác, hội viên Hội Nông dân; điều kiện: phương án khả thi, hồ sơ hợp lệ, cam kết hoàn vốn.	Liên hệ Hội Nông dân tỉnh/huyện hoặc Ban quản lý Quỹ HTND; nộp hồ sơ vay; được thẩm định và giải ngân qua ngân hàng ủy thác (Ví dụ: quỹ tỉnh Bắc Ninh cam kết ngân sách hàng năm cho Quỹ HTND).
Chương trình hỗ trợ HTX / chính sách ưu đãi cho HTX (Quyết định/Chương trình của Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT)	Liên tục; nhiều chính sách thực thi 2021–2025	Hỗ trợ vốn vay mua máy móc, nhà xưởng, dây chuyền sơ chế (qua Quỹ phát triển HTX, vay ưu đãi), hỗ trợ đào tạo quản trị, hỗ trợ xúc tiến đầu tư thiết bị chế biến.	HTX đăng ký hợp pháp, có dự án đầu tư thiết bị, thường yêu cầu phương án kinh doanh và cam kết thu mua/tiêu thụ.	Nộp hồ sơ lên Sở KH&ĐT / Sở NN&PTNT; xin vay từ Quỹ phát triển HTX hoặc tham gia chương trình liên kết doanh nghiệp-HTX.
Các chương trình/đề án KHCN & kinh tế tuần hoàn (Quyết định 540/QĐ-TTg, các đề án Bộ NN&PTNT)	Quyết định và đề án 2023–2025 (các gói hỗ trợ KHCN đang triển khai)	Hỗ trợ demo công nghệ xử lý chất thải, thiết bị tuần hoàn, hệ thống biogas, xử lý nước thải, hệ thống tái sử dụng phụ phẩm – hỗ trợ cả trang trại đầu tư thiết bị thân thiện môi trường.	HTX, trang trại, doanh nghiệp tham gia đề án; có dự án thí điểm, cam kết nhân rộng; ưu tiên mô hình kinh tế tuần hoàn/hữu cơ.	Nộp đề án KHCN hoặc tham gia chương trình thí điểm do Sở KH&CN / Bộ NN&PTNT phát động; xin hỗ trợ demo và chuyển giao công nghệ.
Các chính sách tín dụng ưu đãi (Ngân hàng CSXH, chương trình tín chấp qua Hội Nông dân, Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương)	Liên tục – cơ chế được thực hiện nhiều năm, có điều chỉnh gần đây	Tín dụng ưu đãi để mua máy móc, thiết bị, nhà xưởng nhỏ, đầu tư hạ tầng nội bộ trang trại; có chương trình tín chấp cho hộ/HTX, vay không thế chấp qua HTX/THT.	Hộ, HTX, tổ hợp tác có phương án sản xuất; tham gia bảo lãnh nhóm/HTX; ưu tiên dự án xanh, OCOP, liên kết tiêu thụ.	Liên hệ Ngân hàng CSXH, Ngân hàng Nông nghiệp (Agribank) hoặc chương trình tín chấp do Hội Nông dân tỉnh triển khai; chuẩn bị phương án, cam kết thu hồi sản phẩm.

Ví dụ:

Trang trại trồng thanh long tại Bình Thuận được hỗ trợ 60% chi phí xây dựng hệ thống điện 3 pha kéo vào tận trang trại.

2.9. CHÍNH SÁCH LIÊN KẾT, HỢP TÁC SẢN XUẤT

Nội dung:

- Hỗ trợ chi phí ký hợp đồng liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản.
- Hỗ trợ hình thành HTX, tổ hợp tác kiểu mới.

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định 98/2018/NĐ-CP.
- Luật Hợp tác xã 2023.

BẢNG TỔNG HỢP MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN KẾT MÀ TRANG TRẠI CÓ THỂ TIẾP CẬN

VĂN BẢN CHƯƠNG TRÌNH	NỘI DUNG HỖ TRỢ (rút gọn)	AI ĐƯỢC HƯỞNG	CƠ CHẾ TIẾP CẬN THỦ TỤC CHÍNH	ĐIỀU KIỆN CHÍNH GHI CHÚ
Nghị định 113/2024/NĐ-CP (Hướng dẫn Luật Hợp tác xã 2023)	Khung pháp lý mở rộng chính sách hỗ trợ HTX: đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ hình thành chuỗi sản xuất – tạo điều kiện cho HTX làm đầu mối liên kết nông dân với doanh nghiệp	Tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX đủ điều kiện pháp lý.	HTX nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tới Sở KH&ĐT / Sở NN&PTNT; hưởng các gói hỗ trợ theo quy định ND và hướng dẫn thi hành.	Yêu cầu HTX hợp lệ (giấy tờ, tối thiểu số thành viên theo từng chương trình), phương án đầu tư/kinh doanh.
Các chính sách OCOP & chương trình phát triển sản phẩm địa phương	Hỗ trợ đầu tư máy móc sơ chế, nhà xưởng nhỏ, bao bì, xúc tiến tiêu thụ cho sản phẩm OCOP; hỗ trợ kỹ thuật, thương hiệu, kết nối thị trường.	HTX, hộ, doanh nghiệp có sản phẩm OCOP được xếp hạng.	Hồ sơ OCOP nộp tại Phòng NN&PTNT/ Ban điều hành OCOP tỉnh; sau khi được xếp hạng được xét hỗ trợ theo chương trình.	Ưu tiên sản phẩm có tiềm năng thị trường, tiêu chuẩn chất lượng; mức hỗ trợ theo cơ chế OCOP địa phương.
Chương trình / Quyết định về kết nối – xúc tiến tiêu thụ (bộ, ngành, hoạt động quốc gia)	Hỗ trợ sự kiện, hội chợ, tuần lễ nông sản, xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp – HTX – trang trại; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử.	HTX, doanh nghiệp, trang trại/nhà sản xuất được chọn/đăng ký tham gia.	Đăng ký với Sở Công Thương / Cục Xúc tiến thương mại / Ban tổ chức; xin kinh phí hỗ trợ tham gia; thực hiện tiêu chuẩn hàng hóa.	Thông qua các chương trình quốc gia / địa phương (ví dụ Tuần lễ Nông sản, chương trình kết nối ngành).

VĂN BẢN CHƯƠNG TRÌNH	NỘI DUNG HỖ TRỢ (rút gọn)	AI ĐƯỢC HƯỞNG	CƠ CHẾ TIẾP CẬN THỦ TỤC CHÍNH	ĐIỀU KIỆN CHÍNH GHI CHÚ
Chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng & thiết bị cho dự án liên kết (một số tỉnh mẫu)	Một số tỉnh quy định hỗ trợ tới 30% vốn đầu tư máy móc, nhà xưởng, kho, bảo quản, mức trần (ví dụ tổng không quá 10 tỷ VNĐ) cho dự án liên kết phục vụ tiêu thụ.	Dự án liên kết do HTX/ DN/UBND địa phương đề xuất; các chủ thể liên kết (HTX, doanh nghiệp, hợp tác).	Nộp đề án liên kết lên UBND tỉnh; thẩm định, phê duyệt và giải ngân theo dự án; hồ sơ kèm hợp đồng bao tiêu/ cam kết tiêu thụ.	Mức và điều kiện khác nhau theo tỉnh; cần hợp đồng liên kết rõ ràng, cam kết tiêu thụ.
Quỹ Hỗ trợ Nông dân (Quỹ HTND) & Quỹ phát triển HTX / Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương	Cấp vốn vay/quỹ quay vòng, bảo lãnh tín dụng để HTX/ THT đầu tư máy móc, hạ tầng, mở rộng vùng nguyên liệu; chương trình tín chấp cho thành viên HTX.	HTX, tổ hợp tác, hội viên Hội Nông dân; thành viên THT.	Liên hệ Hội Nông dân/ Ban quản lý Quỹ tỉnh; nộp phương án; giải ngân qua ngân hàng ủy thác; có thể kết hợp bảo lãnh.	Yêu cầu phương án khả thi, xác nhận địa phương; ưu tiên dự án liên kết chuỗi.
Quyết định / Chỉ thị phát triển chuỗi & đổi mới phương thức kinh doanh (ví dụ Quyết định 194/QĐ-TTg; Quyết định/ Chương trình ngành)	Chính sách khuyến khích hình thành doanh nghiệp đầu tàu; hỗ trợ liên kết vùng, dự báo thị trường, hợp đồng bao tiêu; ưu tiên dự án tạo chuỗi giá trị.	Doanh nghiệp, HTX, các tác nhân chuỗi giá trị nông sản	Các chương trình được triển khai bởi Bộ NN&PTNT / Bộ Công Thương / UBND tỉnh; dự án đăng ký, có đánh giá hiệu quả chuỗi.	Mục tiêu tăng năng lực doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi và bảo đảm đầu ra cho nông dân/ trang trại.

TÓM TẮT NGHỊ ĐỊNH 98 VỀ LIÊN KẾT

NỘI DUNG	TÓM TẮT NGẮN
Hình thức liên kết	Nghị định quy định 7 loại hình liên kết (liên quan các công đoạn: cung ứng đầu vào, tổ chức sản xuất, sơ chế/chế biến, tiêu thụ) – linh hoạt theo thực tế địa phương.
Các chính sách hỗ trợ được khuyến khích	Hỗ trợ về kỹ thuật, đào tạo, xúc tiến tiêu thụ; hỗ trợ vốn, tín dụng; hỗ trợ hạ tầng, thiết bị; hỗ trợ thí điểm, mô hình trình diễn; ưu đãi về đất đai, thuế, bảo hiểm theo quy định (khi có chính sách tương ứng).
Cơ chế tài chính nguồn hỗ trợ	Nghị định tạo cơ sở để hướng dòng vốn nhà nước, quỹ khuyến nông, Quỹ HTND, nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ dự án liên kết; đồng thời mở cửa để doanh nghiệp, ngân hàng tham gia tín dụng và bảo lãnh.
Điều kiện được hưởng hỗ trợ	Dự án liên kết phải có hợp đồng liên kết/bao tiêu, phương án sản xuất, đánh giá hiệu quả; thường yêu cầu xác nhận/đề xuất của UBND cấp xã/huyện/tỉnh theo hướng dẫn triển khai.
Ví dụ triển khai mức hỗ trợ địa phương	Một số tỉnh áp dụng mức hỗ trợ cụ thể (ví dụ: hỗ trợ đến 50% chi phí giống, thiết bị nhưng không quá 500 triệu/VĐ dự án trong một số mô hình khuyến nông liên kết). Những con số này là quyết định thực thi ở địa phương, không phải mức toàn quốc bắt buộc. (xem ví dụ Tiền Giang).
Quyền lợi pháp lý	Các bên tham gia liên kết được hưởng các chính sách khuyến khích liên quan và được sử dụng tài sản đầu tư trên đất, tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp vay vốn theo pháp luật (tăng khả năng tiếp cận tín dụng).

Ví dụ:

Trang trại nuôi gà ở Bắc Giang liên kết với công ty CP được hỗ trợ 150 triệu đồng để xây dựng chuồng trại theo tiêu chuẩn VietGAHP và cam kết tiêu thụ đầu ra.

2.10. PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU, THỊ TRƯỜNG, XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Nội dung:

- Hỗ trợ thiết kế bao bì, đăng ký nhãn hiệu.
- Hỗ trợ chi phí hội chợ, kết nối thị trường, thương mại điện tử.

Căn cứ pháp lý:

- Quyết định 634/QĐ-TTg về phát triển thương hiệu nông sản.
- Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử.

BẢNG TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU, THỊ TRƯỜNG VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

STT	VĂN BẢN (nội dung chính)	CƠ QUAN BAN HÀNH	PHẠM VI HỖ TRỢ (ứng dụng cho trang trại)	MỨC HỖ TRỢ (số tiền / %)	HIỆN TRẠNG (tính đến 24/10/2025)
1	Thông tư hướng dẫn sử dụng kinh phí khuyến công (ví dụ: Thông tư 28/2018/TT-BTC) – quy định chi hỗ trợ xây dựng & đăng ký nhãn hiệu, thuê tư vấn marketing, thiết kế bao bì, v.v.	Bộ Tài chính / liên quan	Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, thuê tư vấn marketing, thiết kế bao bì cho cơ sở CN nông thôn / cơ sở sản xuất (áp dụng tương tự cho nhiều cơ sở nông nghiệp quy mô nhỏ)	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tư vấn nhưng không quá 35.000.000 VND/nhãn hiệu hoặc/cơ sở (mức chi cụ thể theo khoản trong Thông tư).	Còn hiệu lực/được áp dụng làm cơ sở hỗ trợ địa phương.
2	Quyết định số 490/QĐ-TTg (Chương trình OCOP – “Mỗi xã một sản phẩm”, giai đoạn 2018–2020, tiếp nối bằng chính sách địa phương/giai đoạn sau) – hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, điểm giới thiệu, xúc tiến, xây dựng thương hiệu địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Hỗ trợ xây dựng sản phẩm OCOP, điểm giới thiệu & bán hàng, xúc tiến, liên kết thị trường (liên quan trực tiếp đến trang trại tham gia OCOP)	Mức hỗ trợ chi tiết do Quyết định và các Quy định thực hiện/Quyết định UBND tỉnh quy định – nhiều địa phương hỗ trợ phần trăm hoặc số tiền cố định cho điểm giới thiệu/O-COP. (Vd: văn bản tỉnh có mức cụ thể – xem cột chú thích).	Chương trình gốc và các văn bản thực hiện tiếp tục được các bộ/địa phương triển khai; nhiều tỉnh ban hành quy định mức chi riêng.
3	Quyết định số 194/QĐ-TTg (2021) – Đề án đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản 2021–2025 (Định hướng đến 2030)	Thủ tướng Chính phủ	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, đổi mới kênh bán (sàn TMĐT, chợ, siêu thị), hỗ trợ quảng bá, kết nối tiêu thụ cho sản phẩm nông nghiệp (trang trại, HTX)	Văn bản đặt ra chương trình và cơ chế; các hoạt động xúc tiến có nguồn kinh phí phân bổ cấp trung ương/địa phương; mức hỗ trợ cụ thể do các chương trình/xây dựng kế hoạch của tỉnh/nhà tài trợ xác định.	Còn hiệu lực và là khung chỉ đạo cho xúc tiến tiêu thụ giai đoạn 2021–2025 (định hướng lâu dài).
4	Chỉ thị 18/CT-TTg (2025) – Thúc đẩy xúc tiến thương mại toàn diện trong/ngoài nước (năm 2025)	Văn phòng Chính phủ / Thủ tướng	Ưu tiên nguồn lực cho xúc tiến thương mại cho nông lâm thủy sản; khuyến khích livestream, quảng bá số, hỗ trợ sàn cho nông sản	Văn bản chỉ đạo tỷ lệ phân bổ nguồn: chương trình XTTM quốc gia dành ~20–25% kinh phí cho nhóm hàng nông lâm thủy sản; triển khai các hỗ trợ nền tảng số, livestream, tham gia hội chợ (mức chi cụ thể do chương trình/đợt triển khai quyết định).	Mới (2025) – chỉ thị khẳng định ưu tiên nguồn lực XTTM; đang được triển khai.
5	Ví dụ địa phương – Hỗ trợ điểm giới thiệu & bán sản phẩm OCOP (một số tỉnh)	UBND tỉnh (ví dụ: Tây Ninh, nhiều tỉnh khác có văn bản tương tự)	Xây dựng điểm giới thiệu/bán sản phẩm (phòng trưng bày, quầy, biển hiệu, thiết bị trưng bày) – hỗ trợ cho cơ sở/đơn vị tham gia OCOP hoặc chủ thể liên kết	Ví dụ: hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 50.000.000 VND/điểm (trường hợp tỉnh Tây Ninh – mức cụ thể có thể khác theo tỉnh).	Mức và điều kiện do UBND tỉnh ban hành (các tỉnh khác có mức khác nhau); còn áp dụng theo từng kế hoạch tỉnh.

CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC THAM KHẢO

TÊN CHÍNH SÁCH	VĂN BẢN/LOẠI	MỨC HỖ TRỢ (ĐÃ BIẾT)
Nghị định 235/2025/NĐ-CP (về chính sách khuyến công)	Nghị định sửa đổi danh mục ngành nghề được hưởng khuyến công (2025) (xaydungchinh sach.chinhphu.vn)	Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm (không nêu luôn số cụ thể trong nghị định) (xaydungchinh sach.chinhphu.vn)
Chính sách khuyến công địa phương (ví dụ tỉnh)	Ví dụ ở Sơn La: “hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu ... mức hỗ trợ không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu” (dangcongsan.org.vn)	Tối đa ~ 35 triệu đồng/nhãn hiệu
Chính sách khuyến công địa phương (ví dụ tại Hà Nội)	Ví dụ tại Hà Nội: chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn “mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu” (Bảo Kinh Tế Đô Thị)	Tối đa ~ 35 triệu đồng/nhãn hiệu
Quyết định 1970/QĐ-BCT (Bộ Công Thương – Kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị 18/CT-TTg)	QĐ 1970/QĐ-BCT ngày 07/07/2025 (LuatVietnam)	Không có mức cụ thể cho hỗ trợ nhãn hiệu được nêu rõ – là khung chỉ đạo chung
Dự thảo Nghị định về nhãn hiệu, thương hiệu nông sản	Bộ NN&PTNT đề xuất (2024/2025) (Bảo Dân tộc và Phát triển)	Đề xuất: hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nông sản quốc gia (dự thảo) (Bảo Dân tộc và Phát triển)

Ví dụ:

Trang trại rau hữu cơ ở Hà Nội được hỗ trợ 50% chi phí xây dựng website bán hàng và lên sàn thương mại điện tử Postmart, Voso.

2.11. CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP – QUẢN LÝ RỦI RO

Nội dung:

- Hỗ trợ phí bảo hiểm cây trồng, vật nuôi.
- Xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai, dịch bệnh.

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định 58/2018/NĐ-CP.
- Thí điểm bảo hiểm nông nghiệp tại một số tỉnh (2019–2022).



BẢNG TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

STT	TÊN CHÍNH SÁCH VĂN BẢN	NỘI DUNG CHÍNH (ai được hỗ trợ)	MỨC HỖ TRỢ (đã quy định)	THỜI HẠN GHI CHÚ
1	Quyết định 13/2022/QĐ-TTg (Thủ tướng) – thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.	Mở rộng đối tượng được hỗ trợ (lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê; trâu, bò, lợn; tôm sú, tôm thẻ, cá tra...); quy định khung hỗ trợ phí bảo hiểm, phân cấp triển khai giữa trung ương – địa phương.	Hộ nghèo & cận nghèo: được hỗ trợ lên tới 90% phí bảo hiểm (theo quy định bổ sung tại các văn bản hướng dẫn/địa phương). Cá nhân không thuộc nghèo/cận nghèo: hỗ trợ tối đa 20% phí bảo hiểm. Tổ chức (DN/HTX): thường tối đa 20% khi đáp ứng điều kiện liên kết, tiêu chuẩn sản phẩm.	Có hiệu lực từ 24/6/2022; thời hạn thực hiện hỗ trợ được nêu tới 31/12/2025 (xem văn bản) (Văn Bản Chính Phủ)
2	Nghị định 58/2018/NĐ-CP (về bảo hiểm nông nghiệp) – khung pháp luật cơ bản.	Quy định nguyên tắc, loại rủi ro, đối tượng, hồ sơ, trách nhiệm doanh nghiệp bảo hiểm và nhà nước trong bảo hiểm nông nghiệp.	Nghị định quy định khung; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo Quyết định 13/2022 và quyết định triển khai địa phương.	Dự kiến sửa đổi/bổ sung (đang hoàn thiện, lộ trình 2025) – theo đề xuất tăng phạm vi/điều chỉnh cơ chế. (Thời báo Tài chính Việt Nam)
3	Chương trình thí điểm / cấp tỉnh (các QĐ/khuyến nghị UBND tỉnh)	Nhiều tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn triển khai, mở rộng đối tượng, tỉ lệ hỗ trợ, danh mục vùng được hưởng.	Một số tỉnh mở rộng mức hỗ trợ/đối tượng; có nơi hỗ trợ thêm phụ cấp/rà soát (thực tế khác nhau theo tỉnh). (Ví dụ 29 tỉnh/thành được ưu tiên triển khai hỗ trợ giai đoạn 2022–2025).	Kiểm tra Quyết định/Kế hoạch UBND tỉnh để biết mức & thủ tục cụ thể ở địa phương. (Baotintuc)
4	Chương trình, đề án cấp Bộ / trung ương (Bộ Tài chính, BNN & BCT)	Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sửa đổi chính sách; phân bổ ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách.	Dự toán ngân sách để hỗ trợ phí theo cơ chế nêu tại Quyết định 13/2022.	Cần theo dõi các công bố phân bổ hàng năm. (Văn Bản Chính Phủ)

Ví dụ:

Trang trại nuôi bò tại Ninh Thuận tham gia chương trình bảo hiểm vật nuôi, được bồi thường 40 triệu đồng khi dịch lở mồm long móng xảy ra năm 2021.



CHƯƠNG 3.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRANG TRẠI

Việc xây dựng kế hoạch sản xuất là bước đi quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững của kinh tế trang trại. Một kế hoạch tốt cần dựa trên phân tích thị trường, điều kiện thực tế, khả năng đầu tư và định hướng phát triển lâu dài.



3.1. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

◆ CÁC BƯỚC CƠ BẢN:

01

Xác định mục tiêu:

sản xuất để tiêu dùng, bán hàng nội địa, xuất khẩu hoặc chế biến sâu.

02

Lựa chọn ngành hàng phù hợp:

cây trồng, vật nuôi, thủy sản, mô hình kết hợp.

03

Xây dựng quy mô và công suất:

bao nhiêu diện tích, sản lượng kỳ vọng mỗi năm.

04

Tính toán chi phí và nguồn lực:

đất đai, giống, vốn, lao động, kỹ thuật.

05

Dự báo doanh thu và lợi nhuận:

căn cứ vào giá thị trường và sản lượng dự kiến.

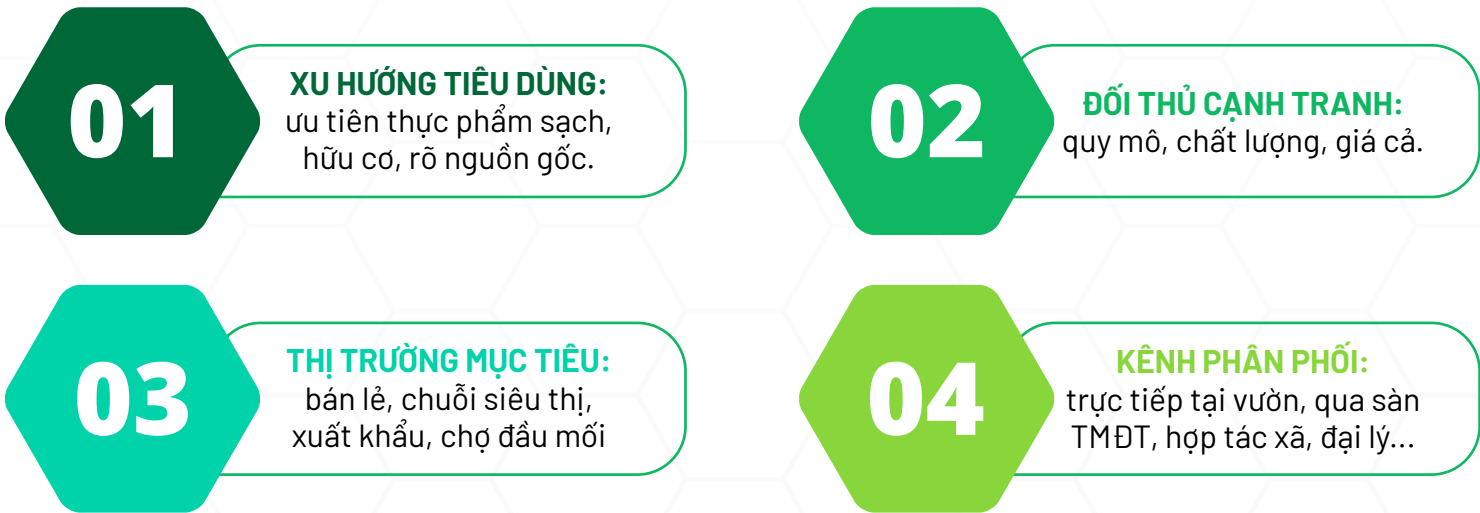
► VÍ DỤ THỰC TẾ:

Anh Phạm Văn Thái (Hưng Yên) xây dựng kế hoạch trồng 2 ha bưởi da xanh:

- **Chi phí ban đầu:** 280 triệu (giống, hố trồng, phân bón, tưới nước).
- **Doanh thu dự kiến:** 600 triệu/năm từ năm thứ 3.
- **Lợi nhuận ròng năm thứ 3:** khoảng 320 triệu/năm.

3.2. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG VÀ NHU CẦU TIÊU THỤ

📌 NỘI DUNG CẦN PHÂN TÍCH:



🌿 CÁCH THỰC HIỆN:

- Tham khảo báo cáo thị trường của Bộ NN&PTNT, Cục XTTM.
- Khảo sát giá tại chợ, siêu thị địa phương.
- Tìm hiểu nhu cầu tiêu dùng qua hội chợ, internet, nhóm nông dân.

Ví dụ:

Trang trại nuôi gà thả vườn ở Lâm Đồng bán qua Bách Hóa Xanh yêu cầu sản phẩm có QR code, bao bì và cam kết truy xuất nguồn gốc – cần chuẩn bị từ đầu.



3.3. QUY HOẠCH, THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

🏠 CÁC NỘI DUNG CHÍNH:

- Mặt bằng và phân khu chức năng: nơi sản xuất, chăn nuôi, kho, sơ chế, xử lý nước thải.
- Hệ thống điện – nước – tưới tiêu: tiết kiệm, tự động hóa nếu có thể.
- Hạ tầng giao thông nội bộ: thuận lợi vận chuyển.
- Công trình phụ trợ: nhà nghỉ công nhân, hệ thống bảo vệ, camera nếu cần.

📖 GỢI Ý NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ:

- Tối ưu theo địa hình: hạn chế đào đắp nhiều.
- Thuận tiện chăm sóc: gần nguồn nước, ánh sáng tự nhiên.
- An toàn sinh học: phân tách vùng nuôi/trồng và xử lý chất thải rõ ràng.

Ví dụ: Mô hình trang trại tổng hợp ở Đồng Nai gồm 3 khu:

- Khu trồng cây ăn trái (10 ha), bố trí rãnh thoát nước, tưới nhỏ giọt.
- Khu nuôi gà đồi (3 ha), cách ly tối thiểu 500m với khu nhà dân.
- Khu sơ chế, đóng gói, nhà kho, bể biogas xử lý phân gà.

3.4. VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH VỀ THIẾT KẾ CẢNH QUAN KINH TẾ TRANG TRẠI

⚙️ **MÔ HÌNH:** Trang trại sinh thái kết hợp (Du lịch + sản xuất)

- **Địa điểm:** Mộc Châu – Sơn La
- **Diện tích:** 7 ha

KHU VỰC	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH
Vườn dâu tây	2 ha	Trồng phục vụ du lịch & tiêu thụ
Khu homestay	0.5 ha	Lưu trú cho khách
Vườn rau hữu cơ	1 ha	Trải nghiệm thu hoạch
Hồ cá – bãi cắm trại	1 ha	Dịch vụ phụ trợ
Trang trại bò sữa nhỏ	0.5 ha	Trải nghiệm vắt sữa
Đường đi bộ, tiểu cảnh	2 ha	Cảnh quan sinh thái

✅ **HIỆU QUẢ:**

- Doanh thu từ dịch vụ du lịch: ~2 tỷ/năm
- Doanh thu từ nông sản: ~1,2 tỷ/năm
- Tổng lợi nhuận ròng: ~1,8 tỷ/năm



Đây là mô hình lý tưởng để kết hợp sản xuất với giá trị gia tăng từ trải nghiệm, dịch vụ



CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT TRONG TRANG TRẠI

Quản lý hiệu quả các yếu tố sản xuất là yếu tố sống còn để đảm bảo hoạt động ổn định, tăng năng suất, giảm chi phí và phát triển bền vững cho trang trại. Nội dung quản lý bao gồm đất đai, lao động, tài sản – thiết bị và môi trường.



4.1. TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TRONG TRANG TRẠI

NỘI DUNG QUẢN LÝ:

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ), bản đồ quy hoạch.
- Phân khu hợp lý theo công năng: đất trồng trọt, chăn nuôi, ao hồ, đường nội đồng, nhà kho...
- Theo dõi hiện trạng sử dụng: diện tích, loại đất, hiệu quả sử dụng.
- Phòng tránh lấn chiếm, tranh chấp: dựng mốc ranh giới rõ ràng, đăng ký biến động khi chuyển mục đích sử dụng.

CÔNG CỤ HỖ TRỢ:

Sổ theo dõi đất đai (bằng Excel hoặc phần mềm).
Sử dụng bản đồ số (Google Earth, phần mềm GIS) để quy hoạch và giám sát.

Ví dụ:

Trang trại tại Gia Lâm (Hà Nội) dùng drone đo đạc lại toàn bộ 8 ha đất để phân khu rõ ràng, tách biệt khu trồng cây ăn quả và chuồng trại, giúp cải thiện hiệu suất sử dụng đất lên 30%.



4.2. TỔ CHỨC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG TRONG TRANG TRẠI

NỘI DUNG QUẢN LÝ:

- Phân công rõ nhiệm vụ: theo từng bộ phận (chăn nuôi, tưới tiêu, vận hành thiết bị...).
- Đào tạo định kỳ: an toàn lao động, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng vật nuôi.
- Chế độ lương thưởng hợp lý: trả công theo sản phẩm hoặc theo tháng, có thưởng năng suất.
- Ghi chép, theo dõi: bảng chấm công, sổ nhật ký lao động.

MÔ HÌNH PHỔ BIẾN:

- Lao động thường xuyên: người vận hành chính của trang trại (quản lý, kỹ thuật).
- Lao động thời vụ: thuê theo đợt thu hoạch, chăm sóc, vệ sinh chuồng trại.

Ví dụ:

Trang trại nuôi vịt trời ở Nam Định áp dụng mô hình 1 quản lý chính + 3 lao động thường xuyên + thuê thêm 5 người trong mùa thu hoạch. Có sổ nhật ký công việc cho từng người theo ngày.

4.3. QUẢN LÝ TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ, MÁY MÓC

NỘI DUNG QUẢN LÝ:

- Lập danh mục tài sản: nhà kho, nhà sơ chế, máy cày, máy tưới, chuồng trại...
- Ghi chép tình trạng sử dụng: ngày mua, thời gian sử dụng, bảo trì định kỳ.
- Quy định sử dụng: ai được phép sử dụng, tiêu chuẩn bảo dưỡng.
- Lên kế hoạch nâng cấp, thay thế: căn cứ khấu hao và nhu cầu mở rộng.

BIỂU MẪU CƠ BẢN:

- Danh sách tài sản (file Excel hoặc sổ tay).
- Sổ bảo trì thiết bị (ngày bảo dưỡng, sửa chữa, người phụ trách).

Ví dụ:

Trang trại trồng thanh long ở Bình Thuận lập sổ quản lý thiết bị với QR code dán lên từng máy móc. Kỹ thuật viên có trách nhiệm bảo trì mỗi quý. Nhờ đó, giảm 20% chi phí sửa chữa đột xuất so với năm trước.



4.4. QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

TRANG TRẠI

CÁC LOẠI CHẤT THẢI CẦN XỬ LÝ:

- Phân và nước thải chăn nuôi.
- Bao bì, vỏ thuốc bảo vệ thực vật, nilon.
- Rác hữu cơ từ cây trồng, thức ăn dư thừa.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ:

- Biogas: xử lý phân bò, lợn, tạo khí đốt cho sinh hoạt.
- Ủ phân hữu cơ: trộn phân, rơm rạ, chế phẩm EM để làm phân bón.
- Bể lắng, lọc nước thải: trong mô hình nuôi thủy sản.
- Thu gom bao bì độc hại: theo hướng dẫn của Chi cục Bảo vệ thực vật.

VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH:

- Trang trại bò ở Hà Tĩnh đầu tư hệ thống biogas 40 m³ trị giá 25 triệu đồng (được nhà nước hỗ trợ 50%). Vừa giảm mùi hôi, vừa dùng làm chất đốt và phân bón hữu cơ.

TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG CẦN TUÂN THỦ:

- Quy chuẩn QCVN 01-14:2010/BNNPTNT: xử lý nước thải.
- Quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020: bắt buộc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường với cơ sở sản xuất nông nghiệp từ 10 ha trở lên hoặc có quy mô nuôi ≥ 10.000 gia cầm, 300 heo,...



TỔNG HỢP MỘT SỐ BIỂU MẪU QUẢN LÝ KHUYẾN NGHỊ:

TÊN BIỂU MẪU	NỘI DUNG CHÍNH
Sổ nhật ký sản xuất	Ghi lịch sử canh tác, chăn nuôi hằng ngày
Danh mục tài sản	Máy móc, nhà kho, chuồng trại, phương tiện
Sổ theo dõi lao động	Họ tên, công việc, ngày công, lương
Sổ bảo trì thiết bị	Lịch bảo dưỡng, thay thế linh kiện
Sổ theo dõi môi trường	Lượng rác thải, xử lý, kết quả kiểm tra





CHƯƠNG 5. HẠCH TOÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA TRANG TRẠI

I. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA

Hạch toán chi phí sản xuất là quá trình ghi chép, tổng hợp và phân tích các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất nhằm phục vụ cho việc quản lý tài chính và tính giá thành sản phẩm. Việc tính đúng, tính đủ chi phí sẽ giúp xác định chính xác lợi nhuận, kiểm soát hiệu quả hoạt động và định hướng kế hoạch phát triển của trang trại.

2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG TRANG TRẠI

Chi phí sản xuất được chia làm 3 nhóm chính:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: giống cây/con, thức ăn, phân bón, thuốc thú y, nước, bao bì, vật tư tiêu hao...
- Chi phí nhân công trực tiếp: tiền công, tiền lương, bảo hiểm của người lao động trực tiếp sản xuất.
- Chi phí sản xuất chung: chi phí điện, nước, khấu hao máy móc thiết bị, chi phí sửa chữa chuồng trại, chi phí quản lý sản xuất...

3. GHI CHÉP VÀ THEO DÕI CHI PHÍ SẢN XUẤT

Trang trại cần sử dụng nhật ký sản xuất hoặc biểu mẫu kế toán chi tiết để ghi chép các khoản chi phí theo từng loại sản phẩm (ví dụ: gà thịt, heo nái, rau màu...). Các biểu mẫu nên thể hiện:

- Ngày phát sinh chi phí
- Loại chi phí (theo nhóm)
- Số lượng – đơn giá – thành tiền
- Ghi chú nguồn chi (tiền mặt, nợ, tạm ứng...)

4. TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Giá thành sản phẩm = Tổng chi phí sản xuất / Sản lượng sản phẩm thực tế

Một số lưu ý:

- Với sản phẩm có chu kỳ dài (như nuôi bò, trồng cây lâu năm), cần phân bổ chi phí theo kỳ.
- Nên xác định giá thành định mức để phục vụ mục tiêu kiểm soát chi phí và so sánh thực tế.
- Tính toán tỷ lệ hao hụt, tổn thất tự nhiên trong quá trình sản xuất (đặc biệt trong chăn nuôi).

5. VÍ DỤ MINH HỌA

Trang trại nuôi 1.000 con gà thịt trong 60 ngày.

- Chi phí giống: 10.000.000 VNĐ
- Chi phí thức ăn: 30.000.000 VNĐ
- Chi phí thuốc men, vaccine: 3.000.000 VNĐ
- Lương công nhân: 7.000.000 VNĐ
- Chi phí chung: 5.000.000 VNĐ
- Tổng chi phí = 55.000.000 VNĐ
- Sản lượng thu được: 950 con đủ tiêu chuẩn xuất bán
- **Giá thành đơn vị = 57.894 VNĐ/con**

1. MỤC TIÊU TIÊU THỤ

- Bán được sản phẩm đúng thời điểm, đúng giá trị.
- Hạn chế hàng tồn kho hoặc sản phẩm hư hỏng.
- Xây dựng đầu ra ổn định và phát triển thương hiệu trang trại.

2. CÁC KÊNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM PHỔ BIẾN

- Bán trực tiếp tại trang trại cho khách hàng cá nhân hoặc thương lái.
- Cung ứng cho chợ đầu mối, siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch (yêu cầu kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc).
- Tham gia các chuỗi liên kết: hợp tác xã, doanh nghiệp bao tiêu...
- Bán online qua mạng xã hội, sàn thương mại điện tử (Tiki, Shopee, Lazada...)
- Gia công chế biến và bán thành phẩm (ví dụ: thịt sơ chế, rau đóng gói, trứng rửa sạch đóng hộp...)



3. GHI CHÉP VÀ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ

- Mỗi lần bán hàng cần lập phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng hoặc ghi vào sổ nhật ký bán hàng, gồm:
 - Ngày bán
 - Loại sản phẩm
 - Số lượng
 - Đơn giá – Thành tiền
 - Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản, công nợ)
 - Tên người mua – số điện thoại (nếu có)
-

4. QUẢN LÝ TỒN KHO VÀ LUÂN CHUYỂN SẢN PHẨM

- Kiểm kê định kỳ kho sản phẩm để tránh thất thoát.
- Bố trí kho bảo quản hợp lý để giữ chất lượng sản phẩm.
- Ưu tiên “xuất trước – hết hạn trước” trong tiêu thụ.

5. BÁO CÁO TIÊU THỤ VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ

Hàng tháng, nên tổng hợp:

- Sản lượng tiêu thụ theo từng loại sản phẩm
- Doanh thu và chi phí bán hàng
- Lợi nhuận gộp
- Đánh giá thị trường, phản hồi khách hàng

→ **Giúp trang trại điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thực tế.**

NGÀY	NỘI DUNG CHI PHÍ	LOẠI CHI PHÍ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
01/01	Mua con giống	Nguyên vật liệu	con	500	20.000	10.000.000	Gà thịt lứa 1
03/01	Thức ăn hỗn hợp	Nguyên vật liệu	kg	1.000	10.000	10.000.000	...
05/01	Tiêm vaccine	Nhân công/thuốc	liều	500	5.000	2.500.000	...
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng						XX.XXX.XXX	

BIỂU MẪU 2: BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

KHOẢN MỤC	GIÁ TRỊ (VNĐ)
Chi phí giống	10.000.000
Chi phí thức ăn	30.000.000
Chi phí thuốc/vaccine	3.000.000
Lương công nhân	7.000.000
Chi phí điện/nước	2.000.000
Khấu hao máy móc/trang thiết bị	3.000.000
Tổng chi phí sản xuất	55.000.000
Sản lượng thu được (sản phẩm)	950 con
Giá thành đơn vị	55.000.000 / 950 = 57.894 VNĐ/con

NGÀY	SẢN PHẨM	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	KHÁCH HÀNG	HÌNH THỨC THANH TOÁN	GHI CHÚ
10/01	Gà thịt	100 con	80.000	8.000.000	Anh Tuấn tiểu thương	Tiền mặt	...
12/01	Gà thịt	150 con	78.000	11.700.000	Cửa hàng thực phẩm A	Chuyển khoản	Có hợp đồng
...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng doanh thu				XX.XXX.XXX			

BIỂU MẪU 4: BẢNG THEO DÕI TỒN KHO SẢN PHẨM

NGÀY	DIỄN GIẢI	NHẬP (SẢN PHẨM)	XUẤT (SẢN PHẨM)	TỒN KHO CUỐI KỲ	GHI CHÚ
01/01	Bắt đầu kỳ	-	-	0	-
10/01	Thu hoạch gà thịt	950 con	-	950 con	...
12/01	Bán cho cửa hàng A	-	150 con	800 con	...
...	...	...	...		

- Căn cứ công văn số 1222/KTHT-HTTT ngày 23/07/2024 về việc xây dựng đề cương kế hoạch triển khai và dự toán chi tiết các nhiệm vụ thực hiện trong năm 2025
- Căn cứ Quyết định 2469/QĐ-BNN-KTHT ngày 19/07/2024 Về việc phê duyệt Kế hoạch và khái toán kinh phí triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế trang trại năm 2025
- Căn cứ công văn số 908 /KTHT-HTTT ngày 23/5/2024 của Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT về việc mời tham gia, dự toán ngân sách nhà nước 2025 và giai đoạn 2025-2027 (nội dung chi thường xuyên);
- Căn cứ công văn số 1002 /KTHT-HTTT ngày 10/6/2024 của Cục Kinh Hợp tác và PTNT về việc đề xuất kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ thuộc nhiệm vụ phát triển trang trại, KTTT, HTXNN,
- Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên bộ Tài chính-Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.
- Thông tư số 40/2017/TTLT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.
- Quyết định số 2469/QĐ-BNN-KTHT ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Việc phê duyệt Kế hoạch và khái toán kinh phí triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế trang trại năm 2025.
- Công văn số 1222/KTHT-HTTT ngày 23/7/2024 của Cục kinh tế hợp tác và Phát triển Nông thôn về việc xây dựng đề cương kế hoạch triển khai và dự toán chi tiết các nhiệm vụ thực hiện năm 2025.
- Nghị định 106/2024/NĐ-CP chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi mới nhất
- Nhiều văn bản nghị định của nhà nước được tổng hợp.





Trang trại chăn nuôi
NEWHOPE Bình Phước



Trang trại sầu riêng
QUEEN FARM Bình Phước



Trang trại chăn nuôi heo
công nghệ cao Phú Bình Bình Phước



Trang trại trồng tiêu Bình Phước



Trang trại rau Thừa Thiên Huế



Trang trại trồng rau
công nghệ cao Thừa Thiên Huế



Trang trại thủy sản Phú Thọ



Trang trại chăn nuôi Phú Thọ

(Phục vụ quản lý trang trại, tham gia HTX, OCOP, VietGAP, vay vốn...)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trang trại:
- Địa điểm:
- Chủ trang trại: SĐT:
- Loại hình sản xuất: ☐ Trồng trọt ☐ Chăn nuôi ☐ Tổng hợp
- Quy mô: ha / con
- Tham gia HTX/Tổ hợp tác:

II. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Mục tiêu kinh tế

- Tổng doanh thu dự kiến: VNĐ/năm
- Tổng chi phí dự kiến: VNĐ/năm
- Lợi nhuận dự kiến: VNĐ/năm

2. Mục tiêu chất lượng & tiêu chuẩn

- Áp dụng quy trình: ☐ VietGAP ☐ GlobalGAP ☐ Hữu cơ ☐ OCOP ☐ Khác:

3. Mục tiêu liên kết chuỗi

- Hình thức liên kết: ☐ HTX ☐ Doanh nghiệp ☐ Chuỗi giá trị theo NĐ 98
- Đơn vị liên kết/bao tiêu:

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT (THEO HƯỚNG SINH THÁI – TUẦN HOÀN)

1. Danh mục sản phẩm chính

- STT | Sản phẩm | Diện tích/Quy mô | Sản lượng dự kiến | Thời vụ.

2. Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn

- Tận dụng phụ phẩm (rơm rạ, phân chuồng, phế phụ phẩm): Ủ phân hữu cơ / Biogas.
- Tái sử dụng nước tưới, che phủ đất, giảm hóa chất.

3. Biện pháp giảm phát thải & thích ứng BĐKH

- Tưới tiết kiệm nước, chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ.

IV. KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ & CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Nhật ký điện tử sản xuất: FaceFarm / AgriStep / Sổ tay điện tử HTX
- Thiết bị thông minh: Cảm biến độ ẩm, camera chuồng trại, điều khiển qua smartphone
- Truy xuất nguồn gốc: Tem QR, hồ sơ lô sản xuất, nhật ký thu hoạch

V. KẾ HOẠCH THỊ TRƯỜNG & TIÊU THỤ

- Kênh tiêu thụ: ☐ HTX ☐ Doanh nghiệp ☐ Siêu thị ☐ Chợ đầu mối ☐ Online
- Sản lượng cam kết tiêu thụ: tấn/năm
- Giá bán dự kiến: VNĐ/kg
- Hình thức hợp đồng: ☐ Bao tiêu ☐ Đặt hàng ☐ Theo chuỗi giá trị

VI. DỰ TOÁN TÀI CHÍNH (PHỤC VỤ VAY VỐN & HỖ TRỢ)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Giống (cây/con)				
2	Vật tư (phân, thuốc, thức ăn)				
3	Công lao động Ngày công				
4	Điện, nước, nhiên liệu				
5	Khấu hao chuồng trại, máy móc				

A. TỔNG CHI PHÍ

B. TỔNG DOANH THU

C. LỢI NHUẬN (B – A)

VII. ĐÁNH GIÁ RỦI RO & GIẢI PHÁP

1. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh

- **Giải pháp:** Bảo hiểm nông nghiệp, tiêm phòng, giám sát dịch bệnh

2. Rủi ro thị trường

- **Giải pháp:** Đa dạng sản phẩm, ký hợp đồng chuỗi, bám kế hoạch HTX

3. Rủi ro pháp lý – môi trường

- **Giải pháp:** Xử lý chất thải đúng quy định, sử dụng đất đúng quy hoạch

VIII. ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ, CHÍNH SÁCH

- Hỗ trợ theo Nghị định
- Hỗ trợ theo Nghị quyết
- Vốn vay ưu đãi, khuyến nông, chuyển đổi số

XÁC NHẬN CHỦ TRANG TRẠI

Cam kết thực hiện đúng kế hoạch và các quy định hiện hành.

Chủ trang trại (Ký, ghi rõ họ tên)

NỘI DUNG CẦN QUẢN LÝ	QUY ĐỊNH CỐT LÕI	CĂN CỨ PHÁP LÝ CHÍNH	GHI NHỚ CHO CHỦ TRANG TRẠI
Thuê lao động	Lao động làm việc từ đủ 01 tháng trở lên phải ký hợp đồng lao động	Bộ luật Lao động 2019 (Điều 13, 14)	Không gọi “thời vụ” để né hợp đồng
Hợp đồng lao động	Có thể xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn	Bộ luật Lao động 2019 (Điều 20, 21)	Hợp đồng phải ghi rõ việc làm, lương, thời gian
Tiền lương	Không thấp hơn lương tối thiểu vùng	Nghị định 74/2024/NĐ-CP	Trả theo ngày/sản phẩm nhưng phải quy đổi
Thời gian làm việc	Tối đa 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần	Bộ luật Lao động 2019 (Điều 105)	Mùa vụ cao điểm vẫn phải bố trí nghỉ
Làm thêm giờ	Phải có sự đồng ý, trả lương cao hơn	Bộ luật Lao động 2019 (Điều 107)	Nên thỏa thuận trước
Bảo hiểm xã hội	HĐLĐ từ đủ 01 tháng → bắt buộc tham gia BHXH	Luật BHXH 2014	Không đóng có thể bị truy thu, xử phạt
Bảo hiểm y tế	Người lao động thuộc diện bắt buộc tham gia BHYT	Luật BHYT 2008 (sửa đổi 2014)	Thực hiện cùng BHXH
An toàn lao động	Chủ trang trại phải đảm bảo điều kiện làm việc an toàn	Luật ATVSLĐ 2015	Bắt buộc khi dùng máy móc, thuốc BVTV
Huấn luyện an toàn	Phải hướng dẫn trước khi giao việc	Nghị định 44/2016/NĐ-CP	Có thể hướng dẫn ngắn gọn, ghi sổ
Khai báo tạm trú	Lao động từ nơi khác đến ở lại phải khai báo tạm trú	Luật Cư trú 2020	Chủ trang trại phối hợp công an xã
Hồ sơ lao động	Lưu hợp đồng, chấm công, trả lương	Bộ luật Lao động 2019	Cần khi thanh tra, HTX, OCOP
Xử phạt vi phạm	Phạt nếu không ký HĐLĐ, không đóng BHXH	Nghị định 12/2022/NĐ-CP	Mức phạt có thể rất cao



